

PHẬT NÓI KINH ĐÀ LA NI TẬP
_ QUYỂN THỨ BẢY _
(Kim Cang Bộ_ Quyển Thượng)

Hán dịch: Đại Đường_ Thiên Trúc Tam Tạng A ĐIA CỒ ĐA (Atikuṭa)

Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Phục hồi Phạn Chú: HUYỀN THANH

PHẬT NÓI

KIM CANG TẶNG ĐẠI OAI THẦN LỰC TAM MUỘI PHÁP ÁN CHÚ
_ PHẨM THỨ NHẤT _

(Án có 57 Chú, có 32 Tán Văn, có 19 Án, 11 Chú là Chủ, còn lại là Bạt vậy)

Tôi nghe như vậy: một thời Đức Phật ngự tại núi **Tỳ Phú La** (Vipula) cùng với a tăng kỳ các Chúng Đại Bồ Tát Ma Ha Tát kèm với vô số các A La Hán, 8 Bộ Trời Rồng trước sau vây quang cùng chung dự hội, nói **Đà La Ni Ấn Bí Mật Pháp Tạng**

Bảy giờ, trong Hội có một Bồ Tát Ma Ha Tát tên là **Kim Cang Tạng** (Vajra-garbha) ở trong Đại Chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi 5 vóc sát đất, đánh lễ bàn chân của Đức Phật. Lễ bàn chân Phật xong, tiến lên phía trước bạch Phật rằng:

“Thế Tôn! Con có **Quyển Thuộc** (Parivāra) 40 Bộ Chúng, mỗi mỗi quyển thuộc đều có vô lượng Đò Chúng đi theo, hiện ở trong Hội, chịu sự sai khiến của con. Từ xưa đến nay từng trì Chú Pháp, hiểu rõ ràng sâu xa huyền ảo, nghiêm mật thanh tịnh. Thế nên cùng nhau khen ngợi thành Pháp của Con, xưng tên của con là **Ma Ha Bạt Chiết La Ba Ni La Xà** (Mahā-vajra-pāṇi-rāja: Đại Kim Cang Thủ Vương). Do tên gọi đó nên xưng là **Thượng Thủ** (Pramukha). Chúng con cũng nguyện kiên thành trợ giúp **Chánh Pháp** (Sad-dharma) của Phật. Các quyển thuộc này ở hai bên trái phải của con xếp bày oai nghi hầu cận, nói các phương tiện có nhiều lợi ích, vì muốn hàng phục tất cả các Ma. Quỷ Thần ác. Nguyện xin Đức Thế Tôn chứng minh cho Chúng của con, nghe hứa cho con xưng tên gọi của quyển thuộc thời con mới dám xưng tên gọi”

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Kim Cang Tạng: “Lành thay! Lành thay! Nay ông thương nhớ các chúng sanh cho nên xưng tên gọi ấy. Ta cũng ấn khả. Nay tùy theo Ý của ông mà xưng tên gọi ấy”

Thời Kim Cang Tạng nương vào sự nghe hứa của Phật liền xưng tên gọi ấy là:

Bạt Chiết La Tô Ma Ha (Vajra-sumahat), **Bạt Chiết La Tô-Bà Tư-Địa Ca La**, **Bạt Chiết La Tô Bà Hô** (Vajra-subahū), **Bạt Chiết La Ni Củ Lô Đà** (Vajra-krodha), **Bạt Chiết La A Mật Lý Đa Quân Trà Lợi** (Vajra-amṛta-kuṇḍalī), **Bạt Chiết La Ô Sô Sa Ma** (Vajra-ucchuṣma), **Bạt Chiết La Tra Ha Sa** (Vajrātṭa-hāsa). Nhóm Bồ Tát này đều ở bên trái của con

Bạt Chiết La Ma Ma Kê (Vajra-māmakī), **Bạt Chiết La Lô Hê Đa Mộc Xí** (Vajra-lohita-mokṣī), **Bạt Chiết La Thương Ca La** (Vajra-saṃkhara), **Bạt Chiết La Ương Câu Thi** (Vajrāṃkuśī), **Bạt Chiết La Mẫu Sắt Đê** (Vajra-muṣṭī), **Bạt Chiết La Thí Ca La** (Vajra-śekhara), **Bạt Chiết La Ni Lam Bà La Đạt La** (Vajra-nīlambara-dhara). Nhóm Bồ Tát này đều ở bên phải của con

Trong các Hội này: hoặc Trời, hoặc người với các **Ma Vương** (Māra-rāja) kèm với hàng Quỷ Thần... nghe tên gọi Kim Cang mà con đã xưng này, mỗi mỗi đều mất

dung nghi, thầy đều yên lặng, Tâm ôm giữ sự kính sợ, lo buồn chẳng thích thú, có đủ việc lớn, sợ mất tánh mạng

Thời nhóm Kim Cang từ xa biết Ý ấy, lo trong Hội sanh khinh mạn, Quỷ Thần bạo loạn, chẳng tuân kính Pháp. Lại sợ chê bai bị rơi vào 3 đường, chịu các khổ não, nên bảo với họ rằng: “Ta có mật ý, đủ các Pháp Tướng, Đức Phật đã biết trợ thành ẩn khả, chẳng phải là cảnh giới mà các người đã biết. Thế nên xưng nói **Đại Đà La Ni Thần Chú Pháp ấn** của tạng Pháp bí mật, lợi ích vô lượng như Đức Phật đã chứng”

Thời, Đức Phật khen rằng: “Lành thay! Lành thay!”

Bấy giờ, nhóm Chúng Kim Cang Bồ Tát nương theo sự tán thành của Đức Phật, liền vui mừng hơn hởi, đánh lễ bàn chân của Đức Phật, nhiễu quanh Đức Phật 3 vòng, rồi bảo tất cả hàng Ma Quỷ kia rằng: “Nay chúng tôi dùng Pháp thành, thực hành, mong tất cả chư Phật mười phương đồng thời ẩn khả, lợi ích cho tất cả. Nay các người đừng kinh hãi, đừng hèn yếu, đừng khởi niệm ác

Ngay trong Hội này: hoặc Trời, hoặc người, hoặc có Sa Môn, hoặc Bà La Môn, hoặc các Nhân Vương, hoặc Thiên Đế Thích cùng với tám Bộ, Chúng Quỷ Thần Bộ, người, Phi Nhân... Hoặc Thiện Nam Tử, Thiện Nữ Nhân với các chúng Tiên Nhân Ngoại Đạo thầy đều nghe cho kỹ. Nay Ta dâng lên Giáo Pháp đáng quý của tạng Pháp bí mật sâu xa chẳng thể nghĩ bàn của Phật. Các người đều nên tin nhận. cùng nhau hộ giữ Kinh này, tức là đồng với Pháp hiếm có trong **Đại Thừa Diệu Tạng** của chư Phật, tức là thành tựu Pháp Môn **Đà La Ni Ấn Thần Chú**. Đức Như Lai Từ Bi bày các phương tiện cứu giúp tất cả loại chúng sanh. Các người nếu có cơ sanh trái nghịch mà chẳng tùy thuận Chánh Pháp của Ta thì sẽ phá vỡ cái đầu của các người làm 7 phần như cành cây A Lê (Arjaka: cây hoa Lan). Đại Chúng, người dân nghe điều Đức Phật đã nói nên đều vui vẻ, tin nhận phụng hành”

Pháp vẽ tượng Kim Cang Tạng Bồ Tát

Tượng **Nhất Thiết Kim Cang Tạng Bồ Tát**, toàn thân màu vàng, bàn chân trái nghiêng một bên, bàn chân phải rũ nghiêng xuống, muốn tựa như ngồi xuống mà hình lại đứng lên, ở ngay trên tòa hoa sen báu, như nghiêng thân mặt hướng về bên phải nhìn rồi ngồi. Đầu đội mũ hoa có 7 báu trang nghiêm, thân có vòng hào quang. Lưng Tượng ấy dựa trên cái gối gấm báu. Tượng ấy: tay trái co cánh tay che trên bắp đùi trái; tay phải co cánh tay ngay trên đầu gối phải đem đầu ngón cái, ngón trỏ vịn nhau rồi co ngón giữa với ngón vô danh ngay trong lòng bàn tay, dựng thẳng ngón út. Bên dưới cổ Tượng ấy có Anh Lạc ngọc báu. Hai cánh tay, cổ tay đều đeo vòng xuyên báu, dùng một dải lụa mỏng trắng tinh quấn trên bắp tay ấy kèm với 2 dây tơ màu phụ trên dải lụa ấy. Lại dùng dây tơ báu cột trên **eo, rốn**; dây tơ ấy thắt gút ngay bụng làm một hình tròn màu vàng lớn như đồng tiền. Dùng lụa gấm màu mây hồng lúc bình minh che trên háng, mặc quần lụa hoa màu trắng, quần ấy lót màu xanh, để lộ cẳng chân, bàn chân. Dùng sợi dây báu làm dây đai cột eo lưng

Hai gian trái phải của Tượng đều có một **Đại Thị Giả Bồ Tát** đứng trên hoa sen, toàn thân màu vàng, dùng lụa gấm màu mây hồng lúc bình minh che phủ eo, háng kéo dài đến trên đầu gối, đầu đội mũ hoa 7 báu

Vị **Thị Giả Bồ Tát** ở gian bên trái ấy, chỉ dùng tay trái co tay gần sát vú phải cầm cây phật trắng, đầu cây phật ở ngay bên trên bắp tay trái. Tay phải duỗi cánh tay, hơi co lại ở bắp đùi, ngón tay hơi nắm lại. Cánh tay, cổ tay có vòng xuyên

Vị **Thị Giả Bồ Tát** ở gian bên phải ấy có mũ hoa, quần áo cùng một loại với vị Bồ Tát ở gian bên trái. Chỉ dùng tay trái co cánh tay gần sát vú trái, cầm **Bạt Chiết La** (Vajra: chày Kim Cang). Tay phải co cánh tay hướng lên trên, ngửa bàn tay ở khoảng

eo, cầm cây phất trắng bung tán sợi phất không dính nhau, rũ đầu cây phất xuống bên dưới

Gian bên trái của Tượng ấy, bên cạnh bắp đùi của Tượng có một vị Bồ Tát, toàn thân màu xanh biếc, ở trên đầu hiện ra hình **Tam Cổ Bạt Chiết La** (chày Kim Cang có 3 chấu), bên dưới Bạt Chiết La ấy có dải lụa đào, dải lụa ở trên cái đầu ấy. Tiếp theo bên dưới lại có dải lụa màu vàng ràng quấn cái đầu, che lỗ rốn, tóc mai, vàng trán, chỉ hiện ra mặt mắt, Góc của tròng mắt ấy như cái đai hơi đỏ tựa như nghìn ngó nghiêng. Hình trạng của Tượng ấy như tướng sơn nộ, hai cánh tay cài chéo dính với nhau, bên phải đè bên trái, phụ vào khoảng nách, nghiêng bàn chân ấy giao chéo nhau ngồi, dựng bắp đùi trái, ở bắp đùi lộ ra một con rắn màu đỏ quấn cái bụng với bàn chân, từ bắp đùi lộ đầu ra hướng về khuỷu tay trái nhìn thân Tượng. Thân Tượng ấy ngồi trên hoa sen đỏ

Hai gian trái phải của Tượng ấy đều có 4 vị Bồ Tát, trên dưới đều ngồi mà làm oai nghi, trợ giúp Kim Cang Tạng hàng phục tất cả

Tiếp theo bên trái, một vị Bồ Tát bên trên có toàn thân màu vàng, đầu đội mũ hoa, tai có cái vòng màu trắng. Phía sau đánh đầu của Tượng ấy có hào quang tròn màu đỏ, dùng lụa trắng điểm hoa quấn cánh tay phải ấy, hướng về phía sau rồi lộ ra trên khoảng nách trái ràng quấn bắp tay ấy. Tay phải co cánh tay ở trên bắp đùi phải, đem ngón cái, ngón trỏ vịn nhau; co ngón giữa, ngón vô danh ngay trong lòng bàn tay; dựng thẳng ngón út. Tay trái co cánh tay đặt ngang ở khoảng bàn chân và bắp đùi trái, tay cầm một vật, vật làm màu xanh lục, vật ấy hướng lên trên, đầu hơi nhọn dần, hướng xuống bên dưới thì thô vuông dần mà lại tròn (Đường nói là **Ngoa Ti**), chính giữa có một đường màu xanh, dựng đầu hướng lên trên thân ấy, mặc quần màu mây hồng lúc bình minh, ngồi nghiêng một bên trên hoa sen đỏ

Tiếp theo bên dưới, một vị Bồ Tát toàn thân màu vàng, đầu đội mũ hoa, làm hào quang tròn màu xanh, 2 tai của Tượng đều có **Bảo Đang** (châu ngọc báu đeo ở lỗ tai) có bọc màu đỏ, môi màu trắng xuyên ở trong lỗ tai. Dùng lụa trắng điểm hoa quấn lót trên bụng. Tay phải co cánh tay, đem ngón cái, ngón trỏ vịn nhau, bung tán 3 ngón còn lại, dùng bàn tay che ngay trên vú phải. Tay trái co cánh tay đên ngay trên khoảng bắp đùi, đầu gối trái, ngửa lên nâng cầm vật mà Bồ Tát lúc trước đã cầm trong tay, tựa như **Ngoa Ti**, mặc quần màu mây hồng lúc bình minh, ngồi nghiêng một bên trên hoa sen xanh

Tiếp theo bên dưới có 2 vị Bồ Tát trước sau đều ngồi. Một vị Bồ Tát phía sau có toàn thân màu vàng. Đầu hơi nhỏ, làm hào quang tròn màu xanh, tai có cái vòng màu trắng, đầu đội mũ hoa tóc mượt, vú lớn dùng lụa trắng điểm hoa quấn quanh trên vú. Tay phải co cánh tay, đem ngón cái, ngón trỏ vịn nhau, 3 ngón tay nắm quyền. Tay trái co cánh tay, giương duỗi lòng bàn tay nắm vật mà Bồ Tát lúc trước đã cầm trong tay tựa như **Ngoa Ti**, mặc quần lụa vàng điểm hoa, quỳ 2 đầu gối ngồi trên hoa sen đỏ

Tiếp theo, một vị Bồ Tát phía trước, toàn thân màu vàng, quay mặt hướng về bên trái, dạng như hình tự nói chuyện với Bồ Tát phía sau, đầu có một đường dây vàng rờng quấn búi tóc, làm hào quang tròn màu đỏ. Trong một lỗ tai trái đeo một **bảo đang** dạng như cái thùng ngói bọc màu đỏ, môi màu trắng, làm hào quang tròn màu đỏ. Tay phải co cánh tay sát cạnh cái vú, co ngón giữa với ngón vô danh trong lòng bàn tay, dựng bung ngón cái, ngón trỏ, ngón út, ngửa lòng bàn tay ấy. Tay trái co cánh tay để ngửa ngay trên đầu gối trái, lại nâng vật mà Bồ Tát lúc trước cầm trong tay tựa như **Ngoa Ti** hướng về thân, nghiêng bên đầu vật ấy có hình tựa như làm móc câu, hướng ra bên ngoài hơi co cánh tay, cổ tay có vàng xuyên, thân mặc quần màu mây hồng lúc bình minh, ngồi nghiêng một bên trên hoa sen tím

Gian bên trái của Tượng ấy, một vị Bồ Tát bên trên, toàn thân màu vàng, trên đầu tóc ấy dùng màu hơi đỏ ràng quần hướng về phía sau, làm hào quang tròn màu đỏ. Lỗ tai có một đôi vật báu màu đỏ, ngắn nhỏ như cái đũa cắm ở trong tai, 2 đầu vật ấy đều có điểm màu trắng, dùng lụa màu xanh lục quấn trên bắp tay ấy, mặc quần lụa trắng điểm hoa ló ra ở eo lưng hơi có chút màu mây hồng lúc bình minh. Tay trái co cánh tay ngay trên đầu gối trái, ngửa lòng bàn tay hướng về thân, dựng 2 ngón: ngón cái, trở cầm một Bạt Chiết La, ngửa lòng bàn tay ấy. Tay phải co cánh tay, duỗi lòng bàn tay gần sát khoảng bắp đùi, cẳng chân bên trái; giao chéo bàn chân rồi ngồi trên hoa sen đỏ

Tiếp theo, vị Bồ Tát bên dưới, toàn thân màu hồng, đầu đội mào hoa, làm hào quang tròn màu xanh, tai có cái vòng màu trắng, hình mạo mập mạp, thân khoác lụa màu, quần che háng, lại từ bên dưới nách phải với trên bắp tay có một đường lụa hướng về phía sau ló ra, quần khoảng khuỷu tay trái. Tay phải co cánh tay ngay trên đầu gối phải, lòng bàn tay hướng về thân, đem ngón cái, ngón trở cầm một mũi tên với đuôi tên hướng lên trên. Tay trái co cánh tay gần trên cái bụng, tay cầm một khối vật báu màu vàng, hai bàn chân trụ với nhau, cúi thân rồi ngồi trên hoa sen đỏ

Tiếp theo bên dưới có 2 vị Bồ Tát trước sau đều ngồi. Một vị Bồ Tát phía sau, toàn thân màu vàng, trên đầu có mào hoa vàng rờng, làm hào quang tròn màu xanh, tai có cái vòng màu trắng, dùng lụa trắng điểm hoa quấn trên bắp tay ấy. Tay phải co cánh tay ngay trên đầu gối phải, duỗi lòng bàn tay hướng ra ngoài, dùng bàn tay cầm vật mà Bồ Tát lúc trước cầm trong tay tựa như **Ngõa Tì**. Tay trái co cánh tay hướng về phía trước dựng đứng, co ngón vô danh, dựng ngón cái, ngón trở, ngón út. Trên thân ấy mặc quần lụa hoa màu vàng, quỳ gối rồi ngồi trên hoa sen đỏ

Tiếp theo, vị Bồ Tát phía trước, toàn thân màu vàng, đầu đội mào có chút hoa cúc vàng, tai có cái vòng báu màu trắng, quay mặt hướng về phía sau, dạng như hình tự nói chuyện với Bồ Tát phía sau, vú lớn, dùng lụa màu trắng mịn quấn trên bắp tay ấy. Tay phải co cánh tay hướng ra bên ngoài cầm một vật màu vàng, vật ấy có dạng tựa như đoạn dây từng, 2 đầu vật ấy có hoa cúc nhỏ nối tiếp nhau thành sợi dây, móc rũ xuống bên dưới. Tay trái co cánh tay để trên trái tim, hướng lòng bàn tay ra ngoài, đem ngón cái, ngón trở vịn nhau, đều co ngón giữa, ngón vô danh, dựng thẳng ngón út, mặc quần màu mây hồng lúc bình minh, giao chéo chân rồi ngồi trên hoa sen xanh

Bên cạnh Tượng ấy an bày đất màu xanh lục. Bên trên Tượng, hai bên cạnh vẽ làm **Tu Đà Hộ Thiên** ở trong mây xanh, hai tay đều nắm rũ vòng hoa, hướng đến trên Tượng mà làm cúng dường

Hai bên Tượng ấy có nhóm hình cây **Bối Đa** (Pattra) với núi. Bên dưới tòa hoa của Tượng ấy làm cái ao báu

Tiếp theo, gian bên phải để một Đồng Tử, đầu đội mào hoa, toàn thân màu vàng, dùng lụa nhiều màu che háng, quỳ cao rồi ngồi, đem vòng hoa đến trợ cúng dường

Kim Cang La Xà Nhất Thiết Kiến Pháp Ấn Chú thứ 1:

Ngửa lòng bàn tay phải đè ép lưng lòng bàn tay trái, liền đem ngón cái phải cài ngược bên dưới ngón út trái, để ngón cái trái trên lưng ngón út phải, lưng bàn tay dính nhau, đều duỗi thẳng 3 ngón còn lại nắm lưng bàn tay

Chú là:

“Úm (1) bạt chiết-lộ (2) ba bà dạ (3) sa ha (4)”

*)OM VAJRODBHAVĀYA SVĀHĀ

Pháp Ấn Chú này. Nếu làm Pháp Kim Cang, trước tiên dùng Pháp này làm cúng dường thì tất cả Kim Cang sanh vui vẻ

Kim Cang Tạng Đại Tâm Pháp Ấn Chú thứ 2:

Hai ngón vô danh móc ngược nhau trong lòng bàn tay, bên phải đè bên trái, chấp tay lại. Dựng thẳng 2 ngón giữa, 2 ngón út trụ đầu nhau; hơi co mở 2 ngón trỏ, dựng thẳng 2 ngón cái kèm dính nhau

Chú là:

“Na mô la dát-na dá-la dạ gia (1) na mô thất-chiến trà bạt chiết la ba nã duệ (2) ma ha đượ xoa tư na ba đa duệ (3) úm (4) bạt chiết la chiến trà (5) tát bà đột sắt-tra, an đà ca (6) ha na đà ha, bát giả-tư (7) hỏ-ô-hồng 98) phán phán phán phán (9)”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ SCANḌA-VAJRA-PANĀYE MAHĀ-YAKṢA-SENAPATAYE

OM VAJRA-CANḌA SARVA-DUṢṬA ANDHAKA HANA DAHA PACAḤ HŪM PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ

Pháp Ấn Chú này tên là **Kim Cang Tạng Đại Tâm Pháp Ấn Chú**, tất cả đều dùng. Nếu người muốn làm Pháp Kim Cang, trước tiên làm Ấn này, tụng Chú hộ thân thì tất cả không có sợ hãi

Nếu trị tất cả bệnh Quỷ, thời khí. Khi nhóm bò, ngựa bị bệnh dịch.... Thời ở bên ngoài cửa Thành làm **Thủy Đàn** lớn. Chính giữa Đàn để một cái chén lớn chứa khoảng **4, 5 thùng** (4 lít, 5 lít) đựng đầy nước sạch, dùng Ấn Chú này 108 biến. 4 góc của Đàn an 4 mâm thức ăn, ở 4 bên Đàn rải mọi loại hoa. Hai bên trái phải của Đàn ấy đều an một cây cột, dùng một sợi dây thừng viền ngang trên cây cột, ở trên sợi dây ấy treo cành Liễu xanh. Ở bên cây cột bên trái bày để một tòa ngò, Chú Sư ngồi trên tòa tụng Chú. Nâng hết thức ăn uống trong Đàn vứt bỏ, dòi cái chén nước ấy để bên dưới cây cột, lừa bò, ngựa bị bệnh đi qua chính giữa Đàn. Chú Sư lấy cành Liễu Chú vào, rồi dùng cành Liễu lấy nước trong cái chén theo thứ tự rưới vẩy trên thân bò, ngựa thì bệnh ấy liền khỏi

Kim Cang Tạng Kết Giới Pháp Ấn Chú thứ 3:

Ngửa 2 lòng bàn tay, đem 4 ngón móc nhau, dùng bên phải móc bên trái. Liền đem ngón cái đều vịn trên móng ngón vô danh

Chú là:

“Úm (1) chỉ lợi chỉ lợi (2) bạt chiết la đượ xoa (3) bàn đà bàn đà (4) hồng (5) ha (6)”

*)OM KILI KILI VAJRA-YAKṢA BANDHA BANDHA HŪM HAḤ

Pháp Ấn Chú này. Nếu làm Pháp Kim Cang thì nên làm Ấn Chú này kết Giới, hộ trì... sau đó làm Pháp thì tất cả không có sợ hãi

Nếu dùng Chú Ấn này, hoặc Chú vào nhóm **tro, nước, hạt cải trắng**... đều nên dùng Ấn này ấn trụ, Chú 3 biến, 7 biến thày đều đượ dùng

Nếu ở 4 phương với trên dưới thì hết thảy tất cả các Quỷ Thần ác đều chạy tan ra ngoài. Sau đó làm Ấn lúc trước, lại kết Giới lần nữa, đứng dậy hướng mặt về chánh Đông, từ bên trái của Thân để đầu bàn chân trái dựng dính ngay phía trước, tiếp theo để bàn chân phải nằm ngang nắm gót chân trái như hình chữ **Đinh** (丁) rồi đi, chuyển theo bên phải. Mỗi khi đến một Hội, đầu một vòng với cửa nẻo đều làm hình thế rất giận dữ của Kim Cang. Sau đó, dùng **Quân Trà Lợi Đại Thân Pháp** lại kết Giới ấy thì Pháp này thành tựu

Kim Cang Tạng Pháp Thân Pháp Ấn Chú thứ 4 (cũng gọi là Ngũ Cổ Ấn vậy)

Hai ngón vô danh móc ngược nhau trong lòng bàn tay, bên phải đè bên trái, chấp tay lại. Dựng thẳng 2 ngón giữa, 2 ngón út trụ đầu nhau. Hơi co 2 ngón trỏ phụ bên cạnh ngón giữa. Dựng thẳng 2 ngón cái kèm dính nhau, đưa ngón trỏ qua lại (Chú đồng với **Hộ Thân Chú** lúc trước)

Một Pháp ấn này. Nếu có người thọ trì Pháp Kim Cang. Ngày ngày tắm gội, mặc áo sạch mới rồi làm Ấn này, tụng **Hộ Thân Chú** lúc trước, ở trước mặt Phật cúng dường tất cả chư Phật, Bồ Tát thì chư Phật, Bồ Tát thường sanh vui vẻ, cảm được tất cả Kim Cang ở 10 phương thường đến gia hộ, trợ cho sức của Hành Giả

Kim Cang Tạng Tâm Pháp Ấn Chú thứ 5:

Hai tay đem 4 ngón từ ngón trỏ trở xuống cài ngược nhau trong lòng bàn tay, duỗi thẳng ngón cái trái, co ngón cái phải vào trong lòng bàn tay, hớp cổ tay lại

Chú là:

“Úm (1) bạt chiết la trực ca (2) tam ma mị, cư lố (3) sa ha (4)”

*)OM VAJRA-TAKKA-SAMA ME KURU SVĀHĀ

Pháp Ấn Chú này. Nếu muốn làm Pháp của tất cả Kim Cang, trước tiên thỉnh Kim Cang an trí ngài xong, liền làm Ấn này, tụng Chú, sau đó làm Pháp Kim Cang đều được có nghiệm

Kim Cang Tạng Tán Hoa Pháp Ấn Chú thứ 6:

Bên cạnh 2 cổ tay kèm 2 ngón cái đều vịn trên móng 2 ngón út, để cạnh 2 ngón vô danh trụ đầu nhau; đem 2 ngón giữa, ngón trỏ đều hướng thẳng về phía trước, tách dựng chằng gần nhau

Chú là:

“Úm (1) bạt chiết-lộ (2) ba bà dạ (3) sa ha (4)”

*)OM VAJRODBHAVĀYA SVĀHĀ

Pháp Ấn Chú này. Nếu muốn cúng dường Kim Cang, lúc không có hương hoa thồi nên làm Ấn này rồi tụng Chú thì tất cả Kim Cang thầy đều vui vẻ

Kim Cang Tạng Cát Lợi Pháp Ấn Chú thứ 7 (cũng gọi là **Tu Bà Ấn Chú**. Đường nói là **Ấn Vương**)

Cài ngược 2 ngón phía sau (ngón vô danh, ngón út) trong lòng bàn tay, dựng 2 ngón giữa trụ đầu nhau, đều co 2 ngón trỏ ngay lưng ngón giữa, lia ngón giữa khoảng **1 phân** (1/3cm) chằng dính nhau, kèm 2 ngón cái đều vịn lóng trên của ngón giữa, đưa ngón trỏ qua lại

Chú là;

“Úm (1) tô-hùng bà nễ (2) tô-hùng bà (3) ô-hồng, hồng hồng hồng (4) phán phán phán (5) sa ha (6)”

*)OM SUMBHA NISUMBHA HŪM HŪM HŪM PHAT PHAT PHAT PHAT SVĀHĀ

Pháp Ấn Chú này, Nếu hay ngày ngày ở trước mặt Phật với chỗ của Đạo Tràng làm Ấn này tụng Chú thồi thường được tất cả Kim Cang vui vẻ

Nếu cúng dường xong, **phát khiển** tất cả Phật, Bồ Tát xong. Chú Sư liền dùng tay phải đem ngón cái, ngón vô danh nhóm lấy chút tro, Chú vào 7 biển, đem chấm trên đánh đầu với 2 bắp tay, trái tim, cổ, tam tinh, chân tóc.... gọi là làm Hộ Thân, thì tất cả

không có sợ hãi, tất cả Quỷ Thần chẳng dám đến gần người. Lại dùng Ấn này trị tất cả bệnh Quỷ.

Nếu khi muốn nằm, thời rửa tay, xúc miệng, liền dùng Ấn Chú này 21 biến hộ thân mà nằm thì chỗ nằm ban đêm, tất cả chẳng sợ hãi

Nếu người ban đêm, mộng thấy cùng người nữ hành dâm bất tịnh, lấy chỉ 5 màu mà làm sợi dây Chú, một lần Chú thì kết một gút, như vậy kết đủ 180 gút, mặc áo sạch mới, dùng sợi dây Chú lúc trước cột trên eo, hộ thân tụng Chú rồi nằm, liền không có việc này

Lại dùng Pháp này mà làm **kết Giới**

Lại làm Pháp này thì tất cả vui vẻ

Kim Cang Tạng Chú Vương Ấn Chú thứ 8:

Cài ngược 2 ngón tay phía sau (ngón vô danh, ngón út) trong lòng bàn tay, kèm dựng 2 ngón giữa trụ đầu nhau, hơi co 2 ngón trở đều để trên lưng 2 ngón giữa, đầu ngón ở lóng thứ 3 của ngón giữa, dùng dính chút nào. Kèm đầu 2 ngón cái vịn lóng thứ hai của ngón giữa, đưa ngón trở qua lại

Chú là:

“Úm (1) tô-bà tất-địa ca la (2) la xoa (3) sa ha (4)”

*)OM_SVA-SIDDHI-KARA RAKṢA SVĀHĀ

Nếu Chú Sư ngày ngày làm tất cả Pháp cúng dường thời **phát khiên** xong rồi, tay phải đem ngón cái, ngón vô danh nhúm chút tro, Chú vào 7 biến xong, như lúc trước chấm vào đánh đầu, bấp tay trái, bấp tay phải, trên trái tim, dưới cổ, tam tinh, chân tóc... rồi Hộ Thân thì tất cả không có sợ hãi

Kim Cang Tạng Đại Thân Pháp Ấn Chú thứ 9:

Hai tay cài ngược các ngón, 4 ngón phía sau ở trong lòng bàn tay, co 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay, hướng 2 khuỷu tay xuống dưới, trụ nhau

Chú là:

“Na mô bạt chiết la tây nhã gia (1) tất bà đế-lý lô ca xa-xà nhã gia (2) bát la thiệp-phiệt lợi đa xa-ám nhã gia (3) bạt chiết la ca na ca (4) mục đề già lãng cát-lợi đa (5) thiết-lợi la gia (6) ma ha bà la gia (7) ma ha tỳ đà gia (8) ế hê ế hê (9) khấn chi la dã tê (10) bà già bà đế (11) bạt chiết la bạt ni, tất-lợi duệ (12) ma ha bạt chiết la sa nễ hê (13) a na dạ, a na dạ (14) già la duệ, nang ti điệt (15) đề đẵng yết la kiềm (16) a na dạ, a na dạ (17) thí yết-lam thí yết-lam (18) duệ trì đề bà (19) na già (20) dược xoa (21) càn thất bà (22) a tổ la (23) ca lỗ trà (24) khấn na-la (25) ma hầu la già (26) la sát sa (27) tỳ xá già (28) curu bàn trà (29) ưu ma đà (30) a bà tam-ma la (31) ti na dạ ca (32) bố đan na (33) dạ đa-la tất-thiết đa (34) dạ đa-la đất-na đất đồ ti (35) a na dạ, a na dạ (36) thí yết lam, thí yết-lam (37) câu lô câu lô (38) mặt lô đô lô (39) cật-liểu hư-nỗa, cật-liểu hư-nỗa (40) ma tha ma tha (41) bát tha bát tha (42) bả đà bả đà (43) đà ma đà ma (44) phú la phú la (45) sa đà sa đà (46) lãng già lãng già (47) a bĩ xá, a bĩ xá (48) bạt chiết la tây nhã (49) a tri-nhã ba dạ đề (50) sa ha (51)”

*)NAMO VAJRA-TEJĀYA SARVA-TRILOKĀJÑĀ-JAYA
PRAJVALITĀJÑĀ-JAYA VAJRA KANAKA MUKTIKĀ ALAMKṚTA
ŚARĪRĀYA MAHĀ-BALĀYA MAHĀ-VIDYĀ EHI EHI KIMCIRAYASI
BHAGAVATE VAJRA-PĀṆI ŚRĪYE MAHĀ-VAJRA-SANIḤ ĀNAYA
ĀNAYA, KĀRYE NANDITAṀ, DHĪTAṀ-KARAKAṀ, ĀNAYA ĀNAYA,
ŚĪGHRAṀ ŚĪGHRAṀ_YENA: DEVA NĀGA YAKṢA GANDHARVA ASURA

GARUḌA KIMNARA MAHORAGA RĀKṢASA PISĀCA KUMBHĀṆḌA
UNMĀDA APASMĀRA VINĀYAKA PŪTANA YĀTRĀ-STHITA YĀTRĀ-
RATNA-STUTE ĀNAYA ĀNAYA, ŚĪGHRAM ŚĪGHRAM, KURU KURU,
MARU DHURŪ, GRHṆA GRHṆA, MATHA MATHA, PACA PACA, BADDHA
BADDHA, DHAMA DHAMA, PURĀ PURĀ, SĀDHA SĀDHA, LINGA LINGA,
ĀVIŚA ĀVIŚA VAJRA-TEJA ĀDI-JĀVA YĀTI SVĀHĀ

Pháp Ấn Đại Chú này thông cho tất cả dụng

Nếu có người hay ngày ngày tắm gội, vào trong Đạo Tràng, trước mặt Phật, Bồ Tát làm Ấn, tụng Chú cúng dường thời người này cảm được tất cả chư Thiên với các Ma Vương với hàng Quỷ Thần nếu nghe Chú này, tất cả đều phát Tâm Bồ Đề, Từ Bi, nhu thiện chẳng sanh niệm ác. Do sức oai thần của các Kim Cang này cho nên cũng thông với sự chữa trị tất cả bệnh Quỷ. Tất cả chư Phật chúng của hàng Bồ Tát đều rất vui vẻ

Lại nếu người bệnh trong miệng tuôn ra máu, hoặc thân đàn bà chẳng dứt Kinh Nguyệt, ngày ngày đến nhiều lần thì ấn vào gạo tẻ, Chú vào rồi rửa... lấy nước cốt ấy hòa với **mật** rồi cho phụ nữ uống, liền được trừ khỏi. Chú 3 biến

Kim Cang Tạng Đầu Pháp Ấn thứ 10 (Tụng **Đại Chú** lúc trước)

Móc ngược 2 ngón vô danh ở trong lòng bàn tay, bên phải đè bên trái; dụng 2 ngón giữa, 2 ngón út trụ đầu nhau, co đầu 2 ngón trở đè mòng 2 ngón cái

Một Pháp Ấn này. Nếu có người bị bệnh đau buốt đầu thì nên làm Ấn này, tụng Chú lúc trước đánh vào cái đầu bị đau buốt, liền khỏi bệnh

Kim Cang Tạng Đảnh Pháp Ấn thứ 11 (Tụng **Đại Chú** lúc trước)

Dựa theo **Đầu Ấn** lúc trước, bên trên chỉ sửa 2 ngón trở vịn dính lỏng thứ ba trên lưng 2 ngón giữa

Một Pháp Ấn này. Nếu người muốn đi bộ vượt qua đường xa. Trước tiên, trong phòng của mình làm Ấn này xong, tụng **Đại Chú** lúc trước 21 biến, liền dùng Ấn này chà sát đáy bàn chân của mình, sau đó bàn chân của Hành Giả liền chẳng đau nhức

Nếu người cỡi ngựa đi, cũng y theo Pháp lúc trước ấn xoa bàn chân ngựa, sau đó bàn chân của con ngựa chẳng bị đau nhức

Nếu ở trên đường với tất cả nơi chốn, khi muốn ăn thời trước tiên đem nước trong sạch chứa đầy trong cái chén, kèm để chút thức ăn, quấy đảo nước, thức ăn rồi Chú vào, phân phát cho nhóm quỷ, tất cả chúng sanh đều khiến cho no đủ, luôn luôn tụng Chú, sau đó đi thì tất cả nhóm nạn: nước, giặc trong đường đi, cầm thú... liền không có chỗ sợ

Kim Cang Tạng Khẩu Pháp Ấn thứ 12 (tụng **Đại Chú** lúc trước)

Dựa theo **Đảnh Ấn** lúc trước. Bên trên chỉ sửa: ở trong 2 Hồ Khẩu đều ló đầu của 2 ngón vô danh ra, kèm 2 ngón cái hơi co đầu ngón, 2 ngón trở lia nhau lại đừng dính vào đầu ngón cái

Làm Ấn này xong, đứng dậy đưa đầu ngón chân trái hướng về phía trước, đầu ngón chân phải hướng về bên phải, nghiêng thân mà đứng (như chữ **Đinh**). Liền nâng Ấn này ngay trên vú phải, đừng dính vào vú, hướng mặt nghiêng về bên trái, há miệng, lại trợn mắt lớn, hình rất sát nộ như khuôn mặt Kim Cang

Một Pháp Ấn này có thể dùng hàng phục tất cả Thiên Ma với các Ngoại Đạo. Tất cả Đại Lực Quỷ Thần nhìn thấy đều sanh hoảng sợ, một thời diệt tan, cũng có thể chữa trị tất cả bệnh Quỷ Thần rất hiệu nghiệm

Nếu ngày 13 của tháng 10, ngày 15 của tháng Lạp (tháng 12): ở trong Tịnh Thất trang nghiêm Đạo Tràng rồi làm **Thủy Đàn**, treo các phan, lọng. Ở chính giữa Đàn để một lọ nước chứa đầy nước sạch, bên trong để 5 loại lúa đậu. Dùng lá Bách, Trúc xanh cắm vào miệng lọ ấy, dùng mảnh vải buộc lại. Sau đó, an tượng Kim Cang, kết Giới hộ thân. Lại an lò lửa, lấy 3 loại **Huân Lục Hương, Trầm Thủy Hương, An Tất Hương** đem giã hòa làm viên, lớn như trái táo nhỏ gồm 1008 viên

Đến giờ Ngọ trong ngày, Chú Sư tắm gội, mặc áo sạch mới, vào nơi Đạo Tràng, kết Giới hộ thân, thỉnh **Kim Cang Vương** an trí trong Đàn, mọi loại cúng dường. Ở trong lò lửa vẽ làm tòa hoa, ở trên tòa hoa thỉnh Kim Cang Vương, an trí ngồi xong, lấy viên hương bên trên, một viên thì Chú một lần rồi ném vào trong lửa thiêu đốt, như vậy thiêu đốt hết 1008 viên thì Kim Cang Vương hiện trên tượng Kim Cang hỏi Hành Giả rằng: “**Người muốn Pháp nào?**”. Lúc đó, Hành Giả liền bùng lư hương, tùy theo Ý đáp, liền được đại nghiệm

KIM CANG TẠNG HÀNG MA PHÁP

Kim Cang Tạng Bạt Chiết La Pháp Ấn thứ 13:

Trước tiên, tay phải: đem ngón cái vịn trên móng ngón út, ngón vô danh, ngón giữa. Tay trái cũng vậy. Dựng 2 ngón trở như tướng cái vòng

Chú là:

“**Úm 1) hồng hồng (2) xà (3)**”

*)OM HŪM HŪM JAḤ

Pháp Ấn Chú này chữa tất cả bệnh Quỷ, dùng rất hiệu nghiệm

Kim Cang Tạng Phục Pháp Ấn thứ 14 (Tụng Đại Chú lúc trước)

Dựa theo **Đảnh Ấn** lúc trước, bên trên chỉ sửa 2 ngón trở hướng về phía sau ngón giữa quấn đầu nhau cùng vịn dính nhau

Một Pháp Ấn này. Nếu chữa bệnh thời dùng Ấn này cột trói tất cả Quỷ Thần, tụng **Đại Chú** lúc trước thì bệnh Quỷ liền khỏi

Kim Cang Tạng Tiễn Pháp Ấn Chú thứ 15:

Hai tay: móc ngược ngón trở, đem 3 ngón từ ngón giữa trở xuống nắm ngón cái làm Quyên, đem lưng cổ tay phải đè trên cổ tay trái, đầu 2 ngón trở ấy như đầu đuôi mũi tên, quỳ sát đất

Chú là:

“**Ma bà kê na tất-để đề bả phạm (1) bạt chiết la ni (2) a la kiềm (3) đá diệt tha (4) mục xí ti hứ ni (5) đô hứ ni (6) bạt la ma lợi (7) phú la mặt lợi (8) a tra (9) mặt tra (10) ma tra ni (11) đô la đô la (12) đô tra, đô trí ni (13) sa ha (14)**”

Pháp Ấn Chú này. Nếu người bị tất cả bệnh Quỷ, làm Ấn này xong, quỳ đầu gối trái sát đất, ấn ngay chỗ bị đau, trong Tâm của Chú Sư tác tướng **pháp Quỷ** cùng tụng Chú ấy thì thấy điều trừ khỏi

Kim Cang Tạng Sóc Pháp Ấn Chú thứ 16:

Tay phải: co ngón vô danh, ngón út, đem ngón cái đè trên móng ngón (vô danh, út), dựng thẳng ngón giữa, ngón trở. Tay trái cũng vậy. Co cánh tay phải đem cổ tay nằm ngang che dính ngay trên ngực. Duỗi thẳng cánh tay trái hướng về bên trái tựa như hình cầm cây giáo dài

Chú là:

“**Úm (1) đế-lý bố la (2) na xá nio 93) sa ha (4)**”

*)OM TRISŪRA NĀSANI SVĀHĀ

Pháp Ấn Chú này. Nếu người bị nhóm Quỷ Thần gây bệnh. Dùng kết Ấn này, liền đứng dậy, đứng nghiêng chân trái như hình nắm cây giáo dài, Tâm tưởng phá Quỷ, chí Tâm tụng Chú thì bệnh Quỷ liền khỏi

Kim Cang Tạng Dao Pháp Ấn Chú thứ 17 (tụng **Sóc Chú** lúc trước)

Dựa theo **Sóc Ấn** lúc trước, bên trên chỉ sửa tay trái: co cánh tay hướng về thân đặt nằm ngang dính ngay trên ngực, hướng đầu ngón tay về vai phải. Tay phải duỗi cánh tay hướng lên trên, hướng cổ tay về phía trước, đứng trên đất

Một Pháp Ấn này. Nếu người bị nhóm Quỷ Thần gây bệnh, nên kết Ấn này. Liền đứng dậy, đứng nghiêng chân phải, tự hước về người bệnh mà chặt đốn, liền khỏi bệnh

Kim Cang Tạng Khả-Tra Bàn Già Ấn Chú thứ 18 (cũng gọi là **Kỳ Khắc Nhất Thiết Quỷ Ấn Chú**)

Hai tay đem 3 ngón ;phía sau (ngón giữa, ngón vô danh, ngón út) móc nhau rồi nắm quyền, đem ngón cái đè trên lóng ngón giữa, dựng thẳng ngón trỏ. Đem tay trái ấn vào **Bạt Chiết La** (chày Kim Cang) đứng ở giữa, co khuỷu tay, úp lòng bàn tay nằm ngang dính trên trái tim. Dựng thẳng cạnh tay phải ngay bên ngoài vai phải, đứng dậy hướng bàn chân trái về bên trái, co đầu gối mà đứng. Đứng thẳng chân phải, an thân, hướng mặt về bên trái

Chú là:

“**Na mô la dát-na đá-la dạ gia (1) na mô thất-chiến trà bạt chiết la ba nã duệ (2) ma ha được xoa tư na ba đá duệ (3) đá diệt tha (4) úm (5) gia tra gia tra (6) ma tra ma tra 97) bàn xà bàn xà (8) cát-lợi tra, cát-lợi tra (9) a bĩ xá, a bĩ xá (10) giả la giả la (11) chu ma gia, chu ma gia (12) chu lam cật-liểu hư-nã (13) sa ha (14)**”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMO ŚCAṆḌA-VAJRAPĀNĀYE MAHĀ-YAKṢA-SENAPATAYE

TADYATHĀ: OM_ GHATṬA GHATṬA, MAṬA MAṬA, BHAṂJA BHAṂJA, KRṬ KRṬ, ĀVIŚA ĀVIŚA, CALA CALA, SOMĀYA SOMĀYA, ŚŪLAM GRHṆA_ SVĀHĀ

Pháp Ấn Chú này. Nếu người bị bệnh Quỷ Thần thì nên làm Ấn này. Dùng sắc giận dữ, đứng ngay trước mặt người bệnh, tụng Chú thì nhóm loại Quỷ gây bệnh thầy đều chạy tan

Lại có **Chú Bát**. Lấy một chén đồng sạch, chứa đầy tro sạch, sai một đứa bé tẩy rửa sạch sẽ xong, mặc áo sạch mới, ngồi trên tòa cao, khiến 2 bàn tay đè ép chặt miệng chén. Chú Sư dùng tay phải bưng lư hương, đốt **An Tất Hương**, Chú vào, búng ngón tay. Như vậy, luôn luôn tụng Chú, búng ngón tay, lại gia thêm **Ha**

Nếu muốn bắt giặc, tùy theo người bị nghi ngờ, ngồi 4 bên cái bát. Nếu cái bát đến thân, lại Chú vào. Nếu chẳng đi, nên biết người này tức là giặc vậy. Nếu thân ấy không có thì dùng Ý nêu ghi chỗ giặc ngồi, nếu hết thầy chẳng biết nơi chỗ thì tùy theo nơi cái bát đến, liền biết là giặc

KIM CANG TẠNG QUYẾN THUỘC PHÁP ẤN CHÚ

PHẨM THỨ HAI
(Đan không có thứ 2)

Kim Cang Ma Ma Kê Pháp Ấn Chú thứ 19 (gọi là Kim Cang Mẫu. **Đan** thứ 1)

Đem 2 ngón vô danh, ngón út đều bên phải đè bên trái, co ngay trong lòng bàn tay, Kèm dựng thẳng 2 ngón út trụ đầu nhau, kèm dựng 2 ngón cái bằng nhau, đừng dính với ngón trỏ. Đưa ngón cái qua lại

Chú là:

“**Úm (1) cô lan dát lý (2) bàn đà bàn đà (3) sa ha (4)**”

*)OM KULANDHARI BANDHA BANDHA SVĀHĀ

Pháp Ấn Chú này tên là **Kim Cang Mẫu Pháp**. Nếu làm Pháp Kim Cang, cho đến muốn làm Pháp Kim Cang của hàng Quân Trà Lợi. Trước tiên thỉnh **Mẫu** an trí, cúng dường liền được tất cả Kim Cang vui vẻ, hành Pháp có nghiệm

Ma Ma Kê Pháp Tràng Ấn thứ 20 (**Đan** thứ 2, chẳng thấy Chú)

Hai tay đem 3 ngón từ ngón giữa trở xuống, co ngay trong lòng bàn tay, dựng ngón trỏ trái hơi co lại, dựng lóng lón của ngón trỏ phải sao cho đầu ngón lìa ngón cái khoảng **2 phân** (2/3cm), kèm dựng 2 ngón cái

Ma Ma Kê Kích Ấn thứ 21 (**Đan** thứ 3, chẳng thấy Chú)

Hai tay đem ngón trỏ, ngón giữa, ngón út cài ngược nhau tại lòng bàn tay, bên phải đè bên trái, co dựng 2 ngón vô danh trụ đầu nhau, hướng 2 ngón cái ra bên ngoài cài chéo nhau, bên phải đè bên trái. Hợp cổ tay

Kim Cang Mẫu Sắt Đê Pháp Ấn Chú thứ 22 (**Đan** thứ 4 cũng gọi là **Kim Cang Nhi Pháp**, cũng gọi là **Sứ Giả Pháp**, cũng gọi là **Ma Đế Na Pháp**)

Hai tay chung lưng, đem cổ tay phải đè cổ tay trái. Đem ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh đều đè ngón cái làm Quyển, 2 tay đều đồng với nhau, 2 ngón út đều quấn thất ngược nhau

Chú là:

“**Na mô la dát-na đá-la dạ gia (1) na mô thất-chiên trà bạt chiết la ba nã duệ (2) ma ha dược xoa tê na ba đá duệ (3) ma đê bạt chiết lợi (4) bạt chiết lợi ni (5) bạt chiết la lê (6) tam ma la (7) tam ma viêm (8) tì ly tì ly (9) chi ly chi ly (10) chủ lỗ chủ lỗ (11) gia tra gia tra (12) na mô tô-đô đê (13) ma ha xã địa, a mục kiếm mê (14) yết vông câu lô (15) ha na ha na (16) đà ha đà ha (17) bát giả bát giả (18) bạt chiết la đà lợi (19) bạt chiết lý ni (20) hồ lỗ hồ lỗ (21) tất đà thất-chiên trà (22) bạt chiết la bàng ni (23) la dát-nhược ba dạ đề (24) sa ha (25)**”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMO ŚCAṆḌA-VAJRAPĀṆĀYE MAHĀ-YAKṢA-SENAPATAYE

MATI-VAJRĪ VAJRĪṆĪ VAJRA-LIḤ SMARA SAMAYAM VIRI VIRI, CIRI CIRI, CURU CURU, GHAṬṬA GHAṬṬA NAMOSTUTE MAHĀ-JĀTI-AMUKAM ME KĀMAM KURU, HANA HANA, DAHA DAHA, PACA PACA VAJRA-DHĀRI VAJRĪṆĪ HURU HURU SIDDHA ŚCAṆḌA-VAJRAPĀṆĪ RATA JĀVA YĀTI SVĀHĀ

Pháp Ấn Chú này tên là **Kim Cang Nhi Pháp**

Nếu có người hay ngày ngày tụng Chú này mãn 10 vạn biến. Nên ở Đạo Tràng làm **Thủy Đàn** 4 khuỷu tay, Đàn ấy không có cửa. Ở chính giữa Đàn làm một tòa hoa an **Mẫu Sắt Đê Kim Cang** (Muṣṭī-vajra), đẽ 5 lọ nước: 4 góc đều đẽ 1 lọ, chính giữa 1 lọ. Trong miệng lọ ấy đều dùng lá **Bách**, cành **Lê** cắm vào, dùng **3 xích** (1m) lụa sổng buộc thắt lá Bách ấy. Chi đốt **An Tất Hương**, thấp 10 chén đèn, mọi loại thức ăn uống đẽ đầy 10 mâm. Bên ngoài mặt Tây của Đàn, như gần bên phía Nam an một lò lửa, mè, hoa lúa gạo hòa chung với nhau rồi thiêu đốt cúng dường. Thỉnh **Mẫu Sắt Đê** (Muṣṭī)

an trí ngồi xong, Chú Sư dùng tay nắm nhóm vật **mè...** tụng Chú một biến thì một lần ném vào lửa, như vậy đủ số 1008 biến liền được linh nghiệm. Tất cả bệnh Quỷ cũng đều trừ khỏi

Như chẳng khỏi bệnh thì 3 ngày làm Pháp, đêm của ngày thứ ba cột buộc 3 bó cỏ, trong bó cỏ ấy cắm nhiều nhựa Thông, cùng làm Đại Pháp, mọi loại Pháp xong. Đưa người bệnh ấy đến nơi rộng rãi, ngồi hướng mặt về phương Tây, Chú Sư cầm cỏ để lấy lửa, gấp rút tụng Chú, tiếng Chú chẳng dứt, cầm lửa nhiều quanh người bệnh 3 vòng, khiến người bệnh ngẩng đầu lên nhìn Chú Sư. Chú Sư dùng 2 tay cầm lửa, mặt làm sắc giận dữ, chí Tâm tụng Chú, dùng lửa cỏ quơ trên đầu người bệnh hun xông qua, sau đó lại tiếp tục cầm lửa đưa cho Chú Sư, Chú Sư cầm lấy y theo lúc trước nhiều quanh, hun xông... hết 3 loại cỏ xong thì bệnh ngay lúc đó, quyết định liền khỏi, cũng làm Hộ Thân

Nếu là bệnh Quỷ Thần thì không có gì chẳng khỏi. Như chẳng khỏi tức là Nghiệp Báo vậy

Kim Cang Thương Ca La Đại Tâm Pháp Ấn Chú thứ 23 (Đan thứ 5. Đây là **Kim Cang Tạng Đại Nữ Pháp**, Ấn có 10, Chú có 4)

Hai tay đem 3 ngón tay từ ngón giữa trở xuống, cài ngược nhau trong lòng bàn tay, bên phải đè bên trái. Kèm dựng 2 ngón cái phụ dính trên ngón giữa phải. Kèm co lỏng giữa của 2 ngón trở, đầu ngón cách nhau khoảng **1 phân** (1/3cm) chẳng chạm nhau, lại cách ngón cái khoảng **1 phân** (1/3cm) chẳng dính ngón trở. Hợp cổ tay, đưa ngón cái qua lại

Chú là:

“Na mô la đất-na đá-la dạ gia (1) na mô thất-chiên trà bạt chiết la ba nã duệ (2) ma ha dược xoa tê na ba đá duệ (3) na mô bạt chiết la thương ca la gia (4) bạt chiết la ba ni tả ma đất-lê đất tả, na vô tất-cật-lê đoả (6) nhất đàm a tỳ xá nam (7) bả-la bạc xoa mị duệ na tì cần xoa (9) a tì thất-lý đế (10) bả la kì bà (11) hệ lý bạt chiết lê (12) tì lý bạt chiết lê (13) a na dạ bạt chiết lê (14) tất-bố tra gia bạt chiết lê na (15) la xoa la xoa (16) ma ma (17: tên của mình...) a mô ca tả (18: tên của người khác...) tì điện đồ mạn đá-la bả đà (19) sa ha (20)”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMO ŚCAṆḌA-VAJRAPĀṆĀYE MAHĀ-YAKṢA-SENAPATAYE
NAMO ŚAMKHAṚĀYA VAJRA-PĀṆIṢYA MĀTRTĀṢYA
MAMOṢKRTVA

IDAM AVIŚĀNĀM PRABHA-KṢAMIN YENA VĪKṢĀ AVIṢ-KṚTE
PRAJĪVA HIRI VAJRE, VIRI VAJRE, ĀNAYA VAJRE, SPHOṬĀYA-
VAJRENA RAKṢA RAKṢA MAMA (xung tên của mình) AMUKAṢYA (xung
tên của người khác)_ SIDDHYANTU MANTRA-PADA SVĀHĀ

Pháp Ấn Chú này tên là **Kim Cang Tạng Đại Nữ Tâm Pháp**

Nếu có người hay thọ trì. Có thể ở trước mặt Phật, ngày ngày đốt hương cúng dường, tụng Chú mỗi 10 vạn biến ẽ được mọi loại lợi ích, cũng hay trừ diệt tất cả các bệnh, thấy đều có nghiệm

Lại **Thương Ca La Tâm Pháp Chú** thứ 24 (Đan thứ 6, dùng Ấn lúc trước)

Chú là:

“Úm (1) bạt chiết-la (2) bạt chiết lợi nễ (3) bà già bà để (4) bả chiết la thương ca lễ hệ (5) bàn đà bàn đà (6) tăng già trá gia (7) bạt đa la la đế (8) sa ha (9)”

***)OM_ VAJRA VAJRINI BHAGAVATE VAJRA-SAMKHARIH BANDHA BANDHA, SAMGHATAYA BHADRA-RATI SVAHA**

Một Pháp Chú này. Nếu người muốn làm Pháp **Thương Ca La** (Śaṃkhara) với chữa bệnh, ngày ngày cúng dường, đốt **An Tắt Hương** cũng để bánh, quả, mọi loại đầy mâm, đến đêm thắp đèn, ở trong Đạo Tràng liền làm **Thân Ấn**, cần phải chí Tâm tụng Chú này mãn 100 vạn biến thì Pháp ấy liền thành. Về sau khi muốn dùng thì cứ Tâm làm Ấn, tụng Chú liền đến. Nếu chẳng khiến đi thì cuối cùng chẳng lia đi. Nếu muốn **Phát Khiển**, nên tụng Chú này phát khiển, liền biết rất rất có nghiệm

Thương Ca La Tiểu Tâm Pháp Ấn Chú thứ 25 (Đan thứ 7)

Ngửa tay phải, co kín 4 ngón tay dính nhau, để ngón cái gần ngón trỏ, phụ nhau như chứa đầy nước chẳng chảy rỉ

Chú là:

“Úm (1) chiết bặt la, thương ca lý (2) ha na ha na (3) bàn đà bàn đà (4) cật-liểu hư-nỗa, cật-liểu hư-nỗa (5) hồng (6) phán phán (7) sa ha (8)”

***)OM_ JVALA-SAMKHARE HANA HANA, BANDHA BANDHA, GRHNA GRHNA, HŪM PHAT PHAT SVAHĀ**

Pháp Ấn Chú này. Nếu người bị bệnh Quý, chẳng biết nơi đau ngứa tốt xấu. Dùng Ấn chứa đầy nước, tụng Chú 7 biến xong, rải đánh trên mặt với trái tim của người bệnh, chỉ nơi có đau nhức đều được trừ khỏi, người ấy liền được sống lại, tức bình phục như cũ, rất rất có nghiệm

Thương Ca La Pháp Thân Ấn thứ 26 (Đan thứ 8, tụng Tiểu Tâm Chú lúc trước)

Hai tay cài ngược ngón giữa, ngón vô danh, ngón út... bên phải đè bên trái ngay trong lòng bàn tay. Kèm dựng 2 ngón cái, lại co lỏng giữa của 2 ngón trỏ trụ đầu nhau đem đè đầu 2 ngón cái, hợ cổ tay, đưa ngón cái qua lại

Một Pháp Ấn này. Nếu người muốn làm Pháp Thương Ca La, trước tiên làm Ấn này, tụng **Tiểu Tâm Chú** lúc trước, dùng Ấn hộ thân, sau đó mới làm Pháp khác thì không có sợ hãi, cũng được các nghiệm

Thương Ca La Đầu Pháp Ấn thứ 27 (Đan thứ 9. Từ đây dùng 5 Ấn sau, đều tụng Đại Tâm Chú. Nếu Làm Đàn thời tụng Đại Chú sau, có nghiệm)

Dựa theo **Thân Ấn** lúc trước, bên trên chỉ sửa đầu 2 ngón trỏ, bên phải đè bên trái, cạnh ngón tay dính trên ngón cái trái. Hợ cổ tay

Một Pháp ấn này. Nếu có người bệnh đau nhức đầu, làm Pháp Ấn này ấn lên chỗ đau nhức ấy, luôn luôn tụng Chú, sau đó dùng cành Liễu đánh thì bệnh liền khỏi

Thương Ca La Tỏa Pháp Ấn thứ 28 (Đan thứ 10)

Dựa theo **Thân Ấn** lúc trước, bên trên chỉ sửa: đều co 2 ngón trỏ, lưng móng tay dính nhau, tức dính nơi lưng 2 ngón cái. Hợ cổ tay

Một Pháp Ấn này. Nếu có người bị Quỷ Thần bám dính, làm Pháp Ấn này, tụng Chú, khóa cột tất cả Quỷ Thần thì bệnh ấy liền khỏi

Thương Ca La Liệu Bệnh Pháp Ấn thứ 29 (Đan thứ 11)

Dựa theo **Thân Ấn** lúc trước, bên trên chỉ sửa: đều co 2 ngón trỏ, lưng móng tay dính nhau. Lại kèm 2 ngón cái đè ở trên cạnh 2 ngón trỏ. Hợ cổ tay

Một Pháp Ấn này. Nếu có người bị tất cả bệnh Quỷ, liền làm Ấn này, tụng Chú chữa trị thì bệnh ấy liền khỏi

Thương Ca La Phục Nhất Thiết Quỷ Pháp Ấn thứ 30 (Đan thứ 12)

Dựa theo **Thân ấn** lúc trước, bên trên chỉ sửa: duỗi 2 ngón giữa dính đầu nhau, kèm dựng 2 ngón cái, đều co lỏng giữa của 2 trở trụ đầu nhau rồi đem đè trên đầu ngón cái. Hợp cổ tay

Một Pháp ấn này. Nếu có người bị đau tim, bụng... Dùng Pháp Ấn này chí Tâm cột buộc niệm, ấn vào chỗ đau nhức ấy, nhất Tâm tụng Chú thì tất cả Quỷ Thần đều chết, bệnh được khỏi

Thương Ca La Đại Kết Giới Pháp Ấn thứ 31 (Đan thứ 13)

Dựa theo **Thân ấn** lúc trước, bên trên chỉ sửa: mở ngón trở, hơi co dựng như hình sừng bò

Một Pháp Ấn này. Nếu làm Đàn cúng dường, chữa bệnh thì tay kết Ấn này, từ cửa Tây của Đàn lùi lại mà đi, liền dùng Ấn này ôm đầu gối trái, một bước nhiều quanh Đàn, đến một góc tức xoay chuyển một vòng, 4 góc cũng như thế. Tiếp theo, vào chính giữa Đàn, đem ngón trở trụ nhau làm Ấn ấn chính giữa Đàn, tụng **Tiểu Tâm Chú** 7 biến xong, sau đó làm Pháp **Quân Trà Lợi** thì tất cả không có sợ hãi

Thương Ca La Quyển Sách Pháp Ấn thứ 32 (Đan thứ 14, tụng Tiểu Tâm Chú lúc trước)

Dựa theo **Kết Giới Ấn** lúc trước, bên trên chỉ sửa: đều co 2 ngón trở, đầu ngón đều nhập vào đáy gốc bên trong của ngón cái. Hợp cổ tay

Kim Cang Thương Ca La Đại Chú thứ 33 (Đan thứ 15)

Chú là:

“Na mô la đát-na đá-la dạ gia (1) na mô thất-chiên trà bạt chiết la ba nã duệ (2) ma ha được xoa tê na ba đá duệ (3) na mô bạt chiết la thương ca la gia (4) trì phán đa đá gia (5) ma ha bà la gia (6) tỳ địa-gia la xà gia (7) bà-la thiệp-bà lý đa (8) ma ha ca lợi duệ (9) tán đàn na đà ma ca lộ ma duệ (10) nan địa kê thấp-bà la (11) thương câu-tra yết lạt na (12) bỉ-lợi gia duệ (13) tì lãng kì lợi trí ma (14) nô-tri nhã đá duệ (15) đề bà (16) na già (17) được xoa (18) càn thất bà (19) a tổ la (20) già lộ la (21) khản na la (22) ma hưu la già (23) lê sư già na (24) bố tự đa duệ (25) a tử, mẫu đa la (26) bạt chiết la, bà la thủ, ba xa (27) hà-tra báng già (28) diệt-lợi thủ la (29) xa cát-đê (30) khu át-già ba xa (31) bà-la du ha tất-đa duệ (32) bà diễn na già duệ (33) diệt-lý nễ đá la duệ (34) già đốt ba đa-la duệ (35) già đốt đặng sắt-tra tra tra duệ (36) ô lô đà kê sư duệ (37) bà la thiệp bà-lý đa (38) nễ đa la duệ (39) thi-bà sa na bà tư nễ duệ (40) ca bà la ha tất-đa duệ (41) bộ đa, bễ-lệ đa (42) trà chỉ ni, tì-lê dạ duệ (43) dạ ma bà kì nễ duệ (44) già ca na tạc lê nễ duệ (45) kỳ la vu tha trì ca duệ (46) la lô trì la (47) bà sa nô lập đa (48) già đát-lợi duệ (49) na la na lợi (50) ba thủ ma ê xa (51) bà sa tất si mật sá (52) chước ca-lợi nĩa (53) ca bà la ha tất-đa duệ (54) tư-dăng già (55) tỳ-gia yết (56) địa bỉ ca (57) ma lợi tạ lỗ lỗ ca (58) bà hưu tì bỉ đà (59) yết lợi đa (60) bộ đa ba la ha tất-đa (61) tra ha bà na đà duệ (62) ma đát-lợi già na (63) bố tự đa duệ (64) na ma tất đê (65) ế hê ế hê (66) bà già bà đế (67) bạt chiết la báng nễ ma đê na (68) bạt chiết la tả na ma đê na (69) bạt chiết la thiết nễ ma đê na (70) bạt chiết la ương câu thí ma đê na (71) bạt chiết la báng ni ma đê na (72) bạt chiết la thương ca la gia, tì tri-gia ma đê na (73)

bạt chiết la thương ca la, tì tri-gia la xà ma đê na (74) đặng thí-ma la (75) tam ma diệm bà già bà đế (76) tát đa đà cát lợi đả (77) bội sa lượng đát tha già đa (78) sa di bồi (79) đê bà (80) na già (81) đượ xoa (82) cần thất bà (83) a tổ la (84) già lộ la (85) khần na la (86) ma hưu la già (87) tát đà tì tri-gia đà la (88) tam ma bà duệ (89) đả tam ma la hề (90) đê na tát đê na (91) đê na tam ma duệ na hề (92) bà già bà đế (93) già la xa (94) già la xa (95) già la xa (96) yết tra (97) yết tra (98) yết tra (99) ma tra (100) ma tra (101) ma tra (102) phán (103) phán (104) phán (105) bạt chiết la thương ca la gia (106) sa ha (107) tổ bạt chiết la thương ca la gia (108) sa ha (109) ca lợi duệ (110) sa ha (111) ma ha ca lợi duệ (112) sa ha (113) ca lợi ca lợi (114) ma ha ca lợi duệ (115) sa ha (116) ma lợi duệ (117) sa ha (118) ma ha ma lợi duệ (119) sa ha (120) ma lợi ma lợi (121) ma ha ma lợi duệ (122) sa ha (123) ế hề ế hề (124) bà già bà đế (125) bạt chiết la thương ca lễ (126) thí ca lam (127) y đàm mị (128) yết vông câu lỗ (129) bạt chiết la thương ca la (130) a tri nhã ba dạ đế (131) sa ha (132)”

Đại Pháp Chú này, dùng 5 Ấn lúc trước làm Pháp thọ trì, liền được thành biện

Nếu các Hành Giả trì Giới, hay phát Từ Bi thương xót tất cả, rộng làm cứu giúp, có thể lập Đạo Tràng, ngày ngày tắm gội, mặc áo sạch mới, đối trước Phật Bồ Tát, bày Thệ Nguyện: “*Nguyện con cứu độ tất cả chúng sanh với hay nhổ trừ khổ não của thân mình*”

Khải bạch xong, lại đốt **An Tất Hương** với đê, hoa, nước, bánh, quả, đèn dầu, mọi loại cúng dường... dùng Tâm chí thành, 7 ngày 7 đêm tụng **Đại Chú** này cùng với mỗi một thời làm 5 Ấn lúc trước, luôn luôn sám hối. Ngày đủ xong, về sau liền ghi biến số, số cần thiết là đầy đủ 10 vạn biến, bấm xau chuỗi đê ghi nhớ. Biến số đủ xong, sau đó chọn ngày làm **Đàn thọ nhận Pháp** (Thọ Pháp Đàn). Cúng dường làm Pháp xong, về sau liền được mọi loại có nghiệm

Thương Ca La Thọ Đàn Pháp

Nếu người muốn được **Bạt Chiết La Thương Ca La** (Vajra-samkhara) nghiệm. Trước tiên, ngày ngày làm mọi loại cúng dường, đốt **An Tất Hương**, thỉnh **Thương Ca La** an trí ngôi xong, nên tụng **Tâm Chú** mãn 10 vạn biến, phát Nguyện cứu giúp tất cả chúng sanh, sau đó tìm nơi chốn thanh tịnh, dựng lập Đạo Tràng, mỗi mỗi như Pháp bên trên

Pháp ấy nên chọn ngày 15 của tháng, dùng nước nóng thơm tắm gội, mặc áo sạch mới, ở chỗ của Đạo Tràng treo phan, lọng với cúng dường đủ nhóm vật hoa, hương... bày biện xong rồi, ở trong Đạo Tràng ấy làm cái Đàn 4 khuỷu tay, dùng 3 màu **trắng, đỏ, đen** làm. Chính giữa Đàn an tượng **Thương Ca La**. Nếu không có Tượng thì làm Ấn thỉnh gọi Thương Ca La ngôi trên tòa hoa sen để an trí cũng được, hoặc vẽ trên đất cũng được

Phương Đông vẽ làm hình Bạt Chiết La (chày Kim Cang). Phương Bắc vẽ bày hình **Liên Tỏa** (xích khóa). Phương Nam vẽ làm hình **Khả Tra Báng Già Ấn**, hình của Ấn ấy vẽ làm hình mặt người, trên đầu mặt ấy vẽ làm hình Bạt Chiết La đứng trên đầu, đừng làm hình có thân thay thế, thân ấy vẽ làm hình cây gậy như cán cây Tích Trượng, trên đầu mặt ấy vẽ làm tóc trên đầu bung rũ xuống bên dưới, tai phải vẽ làm vòng xuyên vàng ròng có hình như trên mặt **Hỏa Thiên Thần** đeo vòng xuyên vàng trên **Đàn Pháp**, tựa như cái trống đeo ở eo lưng nhỏ bé. Phương Tây an tòa ngôi của Chú Sư

Ở trên Đàn ấy an 8 mâm thức ăn cùng chứa đầy mọi loại thức ăn uống Thượng Vị, 12 chén đèn, 9 lọ nước với mỗi lọ nước ấy đều đựng đầy nước sạch, dùng lá Bách

xanh, cành Lê, lá Trúc cắm vào miệng lọ, đều dùng **3 xích** (1m) lụa sồng cột buộc. Chính giữa Đàn để một lọ nước, 4 góc 4 cửa đều để một lọ

Phía Nam ở cửa Tây của Đàn an một lò lửa, dùng củi cây **Phả Câu**. Lấy **Lưỡng Tam Thực** (Đường nói là cây Cốc), mè, gạo tẻ, bơ, mật hòa với nhau... dùng **Tâm Chú** lúc trước 108 biến, cũng dùng Chú này chú vào **An Tất Hương** 108 biến, nghĩ thiêu đốt cúng dường

Mọi loại làm xong, ngày 15 của tháng, Chú Sư lại dùng nước nóng thơm tắm gội, mặc áo sạch mới, vào trong Đạo Tràng làm Ấn hộ thân, kết Giới xong, đốt hương phát Nguyện. Việc Pháp xong rồi, làm Ấn tụng Chú thỉnh **Thương Ca La Kim Cang** an trí. Lại thỉnh **Thương Ca La** ngồi trong lò lửa, Tâm Chú Sư tưởng ở trong lò lửa có hoa sen lớn và Thương Ca La ngồi trên hoa sen này

Làm **Tướng** này xong, lấy nhóm mè, gạo tẻ, bơ, mật đã Chú lúc trước... ở trong lò lửa nhóm củi **Phả Câu**. Lấy chút ít nhóm mè, gạo tẻ, bơ, mật đã hòa chung lúc trước, một lần Chú thì một lần thiêu đốt, như vậy thiêu đốt Chú 108 biến. Lại Chú vào **An Tất Hương**, một lần Chú thì một lần thiêu đốt, đủ 108 biến. Như vậy nhóm vật hương, hoa, nước hương, mọi loại thức ăn uống cúng dường đã xong

Phía Tây của Đạo Tràng, ở đất cách Đàn khoảng 3, 4 bước làm một **Thủy Đàn**. Trên Đàn ấy để một cái giường, khiến người thọ Pháp ngồi trên cái giường, liền nâng lọ nước rưới rót trên đầu người ấy, khiến người thọ Pháp: tâm, miệng phát Nguyện: *“Nguyện cho **Đệ Tử** (tên là...) của con sẽ thực hành **Pháp Thương Ca La Kim Cang cứu giúp tất cả loại chúng sanh. Nguyện các Kim Cang đều ban cho **Đệ Tử** (tên là...) mọi loại tín nghiệm”***

Phát Nguyện này xong, liền cùng hộ thân, mặc áo sạch mới, dẫn vào Đạo Tràng lễ Phật 3 lần xong, lại cho hộ Thân, làm Ấn, tụng Chú, **phát khiến** xong rồi, từ đây về sau, mọi loại dụng đều được hiệu nghiệm

Nếu muốn chữa bệnh, giống như lửa mạnh thiêu đốt cỏ khô, như nước nóng rưới vào tuyết, có sức mạnh như vậy

Chú Sư nếu muốn trị bệnh. Ở bên người bệnh làm **Thủy Đàn** 2 khuỷu tay, Chú vào hạt cải trắng rải ở 10 phương, kết Giới. Chính giữa Đàn để một mâm bánh, thức ăn, để một bát cơm, một bát nước sạch. Người bệnh trụ ở bên cửa Tây của Đàn, ngồi hướng mặt về phương Đông. Chú Sư dùng tay nắm hạt cải trắng, Chú vào 21 biến xong, dùng đánh trên đầu người bệnh, say đó dùng lửa thiêu đốt hạt cải trắng kèm Chú 21 biến, lại tụng **Đại Chú** dùng cành Liễu đánh vào người bệnh thì bệnh ấy liền khỏi

Nếu một ngày chẳng khỏi thì 3 ngày làm Pháp quyết định liền khỏi (từ đây trở xuống là **Pháp Ương Câu Thi**)

Kim Cang Ương Câu Thi Pháp Thân Ấn Chú thứ 34 (**Đan** thứ 16, tên là **Kim Cang Tạng Tiêu Nữ Pháp** có 7 Ấn, chỉ có 2 Chú)

Cài ngược 2 ngón vô danh, 2 ngón út ở trong lòng bàn tay, dựng 2 ngón giữa trụ đầu nhau, đem 2 ngón trở bật ngay bên dưới lóng thứ ba ở phía sau của lưng 2 ngón giữa, trụ đầu nhau, kèm 2 ngón cái đều phụ trên ngón giữa, hớp cổ tay, đưa ngón cái qua lại

Chú là:

“Na mô la đát-na đá-la dạ gia (1) na mô thất-chiên trà bạt chiết la ba nã duệ (2) ma ha đượ xoa tê na ba đá duệ (3) úm (4) bạt chiết la ương câu thí (5) a ca trà (6) tì ca trà (7) a ca lê sa gia (8) bạt chiết la ương câu thí na (9) sa ha (10)”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMO ŚAṆḌA-VAJRAPĀṆAYE MAHĀ-YAKṢA-SENAPATAYE

OM_ VAJRĀMKUŚĪ AKATA VIKATA ĀKARṢAYA VAJRĀMKUŚIN
SVĀHĀ

Một Pháp Ấn Chú này tên là **Kim Cang Vương Tiểu Nữ Pháp Thân Ấn Chú**
Nếu người muốn làm việc **Pháp Ương Câu Thi** cúng dường. Trước tiên dùng Ấn
này, tụng Chú hộ thân với kết Giới xong. Lại làm Ấn này, liền tụng Chú này thỉnh
Ương Câu Thi ngồi, mọi loại cúng dường liền được tất cả Kim Cang vui vẻ

Ương Câu Thi Khẩu Pháp Ấn thứ 35 (**Đan** thứ 17, tụng **Đại Chú** phía sau)

Hai tay kèm dựng thẳng 2 ngón út bên trong, để ngón vô danh phải bật ngay lưng
ngón vô danh với ngón giữa trái, liền hướng đầu ngón nhập vào khoảng giữa của ngón
trỏ, ngón giữa. Lại đem ngón vô danh trái từ khoảng giữa của ngón giữa, ngón vô danh
lỏ ra, liền nhập vào khoảng giữa của ngón trỏ, ngón giữa. Dựng thẳng 2 ngón giữa trụ
đầu nhau, đều co 2 ngón trỏ móc đầu ngón vô danh, kèm 2 ngón cái dựng thẳng, trụ
đầu nhau cách 2 ngón út khoảng **nửa thốn** (1/6dm)

Một Pháp Ấn này chế phục tất cả Quỷ Thần nói năng vọng thuyết, lừa dối... làm
Ấn này xong, tụng **Đại Chú** phía sau, (thì Quỷ Thần) lại chẳng dám nói, bệnh Thần
liền hết

Ương Câu Thi Nha Pháp Ấn thứ 36 (**Đan** thứ 18, cũng gọi là **Cấp Phục Quỷ
Ấn**)

Kèm dựng 2 ngón út dính đầu nhau, cài ngược 2 ngón vô danh ở trong lòng bàn
tay, bên phải đè bên trái, hướng đầu ngón về **Hổ Khẩu** lộ ra, kèm dựng 2 ngón giữa
dính đầu nhau, đều bật 2 ngón trỏ ngay trên lưng ngón giữa, đầu ngón vịn ngay lóng
thứ ba ngay trên ngón giữa, kèm dựng 2 ngón cái. Hợp cô tay

Một Pháp Ấn này. Có người bị bệnh, hết thầy bị đau nhức thì nên làm Ấn này,
tụng **Đại Chú** phía sau, dùng ấn lên chỗ bị đau nhức thì bệnh ấn liền khỏi

Ương Câu Thi Câu Pháp Ấn thứ 37 (**Đan** thứ 19, tụng **Tiểu Tâm Chú** lúc
trước)

Hai tay co 2 ngón cái ngay trong lòng bàn tay, đem ngón cái đè trên móng ngón
ây, duỗi thẳng 2 ngón giữa, hơi co ngón trỏ phụ trên cạnh ngón giữa, nâng cánh tay lên
ngay khoảng giữa của mắt với tai, để đầu ngón nằm ngang hướng về phía trước, đừng
dính vào khuôn mặt

Một Pháp Ấn này. Nếu có Quỷ Thần khó điều phục, chẳng nhận sự truy tìm hô
gọi. Nên đứng trên đất làm Ấn, tụng **Tâm Chú** lúc trước 7 biến truy tìm hô gọi thời
ứng theo tiếng mà đến, đến xong nhận làm Pháp riêng, nói bảo hàng phục. Việc xong
rồi, sau đó **Phát Khiển**. Người làm Pháp đều nên hiểu điều này. Pháp Ấn Chú ấy ở nơi
đại yếu của bậc Thầy

Ương Câu Thi Câu Pháp Ấn thứ 37 (**Đan** thứ 19, tụng **Tiểu Tâm Chú** lúc
trước)

Hai tay cùng dính lưng lòng bàn tay, đem 2 ngón vô danh giao chéo nhau, duỗi ra
như sợi dây thừng, 2 ngón giữa cũng vậy, đều co 2 ngón út như móc câu, lại đều co 2
ngón cái, lại co 2 ngón trỏ đều móc trên 2 ngón cái, dạng như hình móc câu

Một Pháp Ấn này. Nếu có Quỷ Thần sang Tâm trái nghịch, chẳng thuận theo Phật
Pháp. Trước nên, nên dùng **Câu Ấn** lúc trước hô gọi đến, đến xong liền nên làm Ấn
Pháp này thì chẳng dám hung hăng. Pháp này rất hiệu nghiệm

Ương Câu Thi Khẩu Ấn thứ 39 (Đan thứ 21, Cũng gọi là Giải Phóng Ấn)

Kèm 2 ngón cái bên trong, dựng thẳng ngón vô danh phải bật trên lưng ngón vô danh, ngón giữa trái, hướng nhập vào khoảng giữa của ngón trỏ, ngón giữa rồi ló ra, liền nhập vào khoảng giữa của ngón trỏ, ngón giữa. Dựng thẳng 2 ngón giữa trụ đầu nhau, đều co 2 ngón trỏ móc đầu ngón vô danh, kèm 2 ngón cái dựng thẳng trụ đầu nhau cùng cách ngón cái khoảng **nửa thốn** (1/6dm) [Ấn này cùng với **Bất Không Quyển Sách Khẩu Ấn** lúc trước không có khác]

Một Pháp Ấn này. Muốn giải thoát Quỷ đã bị cột trói lúc trước ấy, dùng **Tâm Chú** lúc trước mà buông tha

Ương Câu Thi Liệu Bệnh Pháp Ấn Đại Chú thứ 40 (Đan thứ 22, Cũng gọi là Phục Quỷ Ấn, tụng Đại Chú phía sau)

Dựa theo **Thân Ấn** lúc trước, bên trên chỉ sửa 2 ngón trỏ đều để dính vạch phía trước lóng thứ hai của ngón giữa, lại đều co 2 đầu ngón cái vào trong lòng bàn tay. Hợp cổ tay

Một Pháp Ấn này. Nếu muốn hàng phục tất cả Quỷ Thần với muốn chữa trị tất cả bệnh thì nên làm Ấn này ấn vào chỗ bị bệnh, tụng **Đại Chú** phía sau 7 biến, liền khỏi bệnh

Ương Câu Thi Đại Chú

Chú là:

“Na mô la đất-na đá-la dạ gia (1) na mô thất-chiên trà bạt chiết la ba nã duệ (2) ma ha dược xoa tê na ba đá duệ (3) úm (4) bạt chiết la ương câu thí (5) ca bĩ la kê thí (6) đá trí đá trí (7) già trí già trí (8) thô trí mẫu trí nễ (9) ca lô ca tri (10) ma lô ca tri (11) vũ tri bạt chiết lợi (12) ma ha ti trụ lỗ lệ (13) đậu cru đậu cru (14) tổ vũ tổ vũ (15) tổ lỗ tổ lỗ (16) sa la sa la (17) ti sa la ti sa la (18) ô-hồng ô-hồng (19) ô-hồng ô-hồng (20) phán phán phán phán (21) uất trụ-hô trì đề (22) ha la ha la (23) bằng già lệ (24) già trí ti già trí (25) sa bà la (26) ti địch lệ tát bà địa bà na già (27) ba-la ha la na (28) ma dạ tam ma địa (29) lê-địa đà dục kế-tri (30) tổ lang kế-dã (31) câu lang kế-tri (32) bạt chiết la hồ nễ (33) bạt chiết la trì lợi đà sa la, ba la ha la nhã (34) la đất-na đá-la dạ địa (35) yết-la ma trí-lợi phu đề (36) bạt chiết la đà la (37) tỳ thấp-bà sa nễ (38) a bạt la trí ha đá (39) bạt la ma-la đà nễ (40) bạt chiết la ương câu thí (41) a đất-nhã ba dạ đế (42) sa ha (43)”

Đại Pháp Chú này có sự gìn giữ cứng cõi khác thường, chẳng thể tụng vội vàng, chữa bệnh hiệu nghiệm

Nếu có người hay thọ trì, cần phải **Tịnh Thân** hộ trì **Giới Hạnh**, không được nhiễm dính, lia hẳn trần tục với các ô uế, tất cả suy nghĩ tạp nhập

Nếu người hay hộ trì như vậy, nên ở ngày ngày dùng nước nóng thơm tắm gội, mặc áo sạch mới, vào trong Đạo Tràng, đốt **An Tất Hương** với mọi loại vật, thức ăn uống cúng dường, kết Giới, hộ Thân. 7 ngày 7 đêm tụng Chú này mỗi 10 vạn biến xong, sau đó lại vào **Kim Cang Thọ Pháp Đàn**. Về sau, khi dùng Pháp chữa bệnh thời nên lập **Thủy Đàn**, đốt **An Tất Hương**, thức ăn uống nhiều ít để cúng dường xong, làm Ấn tụng Chú chữa bệnh liền khỏi

Nếu Chú Sư hướng bên người bị bệnh Quỷ, ngay lúc đến thời Quỷ tránh đi. Chú Sư liền đứng trên đất, làm **Ương Câu Thi Thân Ấn** lúc trước, hô gọi Quỷ Thần ấy đến gần để trị thì bệnh ấy liền khỏi

Kim Cang Tạng Tùy Tâm Pháp Ấn Chú (Ấn có 11, Chú có 4)

Kim Cang Tùy Tâm Thân Pháp Ấn Chú thứ 41 (Đan thứ 23)

Dụng bàn tay phải, đem 3 ngón từ ngón giữa trở xuống dựng thẳng kèm dính nhau, co lỏng trên của ngón trở phụ dính lỏng trên của ngón giữa, lại co ngón cái đè vạch lỏng bên dưới của ngón giữa. Đưa ngón trở qua lại

Chú là:

“Úm (1) chỉ lợi chỉ lợi (2) bạt chiết la ma la gia (3) kê lợi hệ la gia (4) sa ha (5)”

*)OM KILI KILI VAJRA-BALĀYA KILI HIRĀYA SVĀHĀ

Pháp Ấn Chú này. Nếu muốn làm Đại Pháp thành **Tùy Tâm Kim Cang**. Trước tiên làm Ấn này kèm tụng Chú này, thỉnh ngồi cúng dường, liền được tất cả Kim Cang vui vẻ. Sau này dùng các Pháp thầy đều có nghiệm

Kim Cang Tùy Tâm Trịch Quỷ Pháp Ấn thứ 42 (Đan thứ 24, tụng Tiểu Tâm Chú lúc trước)

Tay trái đem ngón vô danh với ngón cái vịn nhau, hướng lên trên ném bàn tay, liền thành **Trịch Ấn**

Kim Cang Tùy Tâm Luân Pháp Ấn thứ 43 (Đan thứ 25, tụng Tiểu Tâm Chú lúc trước)

Tay phải để lòng bàn tay bằng phẳng, hướng xuống dưới chà xát trên đầu người bệnh, liền thành **Luân ấn**

Kim Cang Tùy Tâm Sóc Pháp Ấn thứ 42 (Đan thứ 26, tụng Tiểu Tâm Chú lúc trước)

Tay phải dựng thẳng ngón út, co 3 ngón còn lại hướng về lòng bàn tay, đem ngón cái đè lên trên

Kim Cang Tùy Tâm Hàng Ma Pháp Ấn thứ 45 (Đan thứ 27, tụng Tiểu Tâm Chú lúc trước)

Đem bàn tay phải đè lưng bàn tay trái, hướng ngón cái phải về bên dưới ngón út trái, hướng ngón cái trái về trên ngón út phải, trên dưới đều cài chéo nhau

4 Pháp ấn này đều tụng **Tiểu Tâm Chú** lúc trước, ất hay hàng phục tất cả các Ma, tất cả nhóm Quỷ Thần rất độc ác, cũng hay đập nát trăm ngàn vạn ức **Đã Xoa, La Sát** với Quỷ **Hành Bệnh** kèm các Ngoại Đạo, nhóm **Lao Độ Xoa** thầy đều lui tan. Nếu người có bệnh, dùng Ấn làm Pháp, tụng Chú ân vào người bệnh, liền sẽ trừ khỏi

Kim Cang Tùy Tâm Phục Quỷ Pháp Ấn Chú thứ 46 (Đan thứ 28)

Hai tay đem 2 ngón phía sau (ngón vô danh, ngón út) hướng vào bên trong cài chéo nhau, bên phải đè bên trái. Dụng 2 ngón giữa trụ đầu nhau, đem 2 ngón trở bật ngay lưng ngón giữa, đầu ngón cùng che nhau, đem 2 ngón cái phụ dính vạch lỏng bên dưới của 2 ngón giữa

Chú là:

“Úm (1) bạt chiết la dẫn địa (2) đà la ni xa dạ đa (3) thấp-bế để (4) hô lô hô lô (5) mạn đất-la bả đà (6) sa ha (7)”

*)OM VAJRA-DANḌI-DHĀRANĪ ŚAYATHA ŚVETE HURU HURU MANTRA-PADA SVĀHĀ

Pháp Ấn Chú này. Nếu người có bệnh, nên dùng Ấn này, tụng Chú cột trời Quỷ xong. Tiếp theo, lại Chú vào hạt cải trắng, một lần Chú thì một lần thiêu đốt, như vậy

thieu đốt đủ 108 biến thì tất cả Quỷ Thần thấy đều lui tan, không dám trụ lại, bệnh liền trừ khỏi

Kim Cang Tùy Tâm Đại Pháp Thân Ấn Chú thứ 47 (Đan thứ 29)

Trước tiên, đem tay phải nắm phía sau khuỷu cánh tay trái. Lại dùng tay trái nắm phía sau khuỷu cánh tay phải xong, đứng dậy nâng Ấn lên an trên đầu, dùng đỉnh vào cái đầu, kèm bàn chân ngang vằng đầu ngón

Thân Chú là:

“Na mô la đất-na đá-la dạ gia (1) na mô thất-chiên trà bạt chiết la ba nũa duệ (2) ma ha dục xoa tê na ba đá duệ (3) đá diệt tha (4) chỉ đá-la (5) chỉ đá-la (6) ca bĩ la băng già la (7) hốt-lô bả sa bà lê nũa (8) hốt lô phác nũa, a già xa (9) sa ha (10) đá diệt tha (11) sa la đa la (12) tử lợi tử lợi (13) tổ lỗ tổ lỗ (14) ha la ha la (15) hệ lợi hệ lợi (16) hổ lỗ hổ lỗ (17) bả la bả la (18) bĩ lý bĩ lý (19) bố lỗ bố lỗ (20) ma la ma la (21) mật lý mật lý (22) mỗ lỗ mỗ lỗ (23) giả la giả la (24) chỉ lý chỉ lý (25) chủ lỗ chủ lỗ (26) dã la dã la (27) dật lý dật lý (28) dũ lỗ dũ lỗ (29) già la già la (30) kì lý kì lý (31) cồ lỗ cồ lỗ (32) ca la ca la (33) chỉ lý chỉ lý (34) củ lỗ củ lỗ (35) đá la đá la (36) để lý để lý (37) đở lỗ đở lỗ (38) la cồ la cồ (39) ha na ha na (40) đà ha đà ha (41) bả giả bả giả (42) cật-liểu hư-nũa, cật-liểu hư-nũa (43) đá ma đá ma (44) sân đà sân đà (45) ma tha ma tha (46) tần đà tần đà (47) chế-yêm bà, chế-yêm bà (48) bàn xà bàn xà (49) bàn đà bàn đà (50) ma lợi đà, ma lợi đà (51) bả-la ma lợi đà, bả-la ma lợi đà (52) lao đà la, lao đà la (53) ha na ha na (54) tát bà bĩ tri-na tỉ na dục ca-hồng (55) bà thí ca lỗ mê (56) tát bà tát đất-lý (57) bổ-lỗ sa (58) đá-la ca (59) đà lợi ca na-hồng (60) hổ lỗ hổ lỗ (61) tử đà thất-chiên trà bà xà la đạt la (62) bạt xà la ba nũa duệ (63) la thận nhả ba dạ để (64) sa ha (65)”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ SCANḌA-VAJRA-PANĀYE MAHĀ-YAKṢA-SENAPATAYE

TADYATHĀ: CITRA CITRA, KAPĪLA PIN:GALA, HRUT-PĀŚA VARNA,
HRUT-PHAṆA AGĀCHA SVĀHĀ

TADYATHĀ: SĀRA-DHARA, TIRI TIRI, TURU TURU, HARA HARA,
HIRI HIRI, HURU HURU, VARA VARA, VIRI VIRI, VURU VURU, MARA
MARA, MIRI MIRI, MURU MURU, CARA CARA, CIRI CIRI, CURU CURU,
YARA YARA, YIRI YIRI, YURU YURU, GARA GARA GIRI GIRI, GURU
GURU, KARA KARA, KIRI KIRI, KURU KURU, DHARA DHARA, DHIRI
DHIRI, DHURU DHURU, LAGU LAGU, HANA HANA, DAHA DAHA, PACA
PACA, GRḤṆA GRḤṆA, DHAMA DHAMA, CCHINDA CCHINDA, MATHA
MATHA, BHINDA BHINDA, CAMPA CAMPA, BHAMJA BHAMJA, BANDHA
BANDHA, MARDA MARDA, PRAMARDA PRAMARDA, RAUDRA RAUDRA,
HANA HANA, SARVA-VIGHNA VINĀYAKAṆ VAŚĪKĀROME, SARVA-STRĪ
PURUṢA DHRAKA DHĀRIKĀNĀM, HURU HURU, BHĪTA-SCANḌA-VAJRA-
DHĀRA _ VAJRA-PĀṆI RATAM JĀVA-YĀTI _ SVĀHĀ

Pháp Ấn Đại Chú này hay hàng phục tất cả: hoặc Trời, hoặc Rồng, hoặc các Ngoại Đạo, hoặc Thần, hoặc Quỷ, hoặc Dục Xoa, hoặc La sát, hoặc Càn Thát Bà, Cưu Bàn Trà... mọi loại tạp loạn gây điều chẳng tốt lành cùng với người gây bệnh hoạn, Quỷ Thần gây chướng nạn... nghe tiếng của Chú này thấy đều choáng váng té xuống đất mà chết, tuy có sống lại thì chạy xa đến cảnh khác, chẳng dám xâm bạo, làm các lưu nạn

Tất cả Pháp, người khởi Tâm làm thì đứng, đều thành biện, khi tụng Chú thời cần phải làm **Đại Thân Ấn** phía sau, nên dùng sắc giận dữ làm điều này ắt hay tòi phục tất cả, rất có linh nghiệm

Nếu người muốn được thọ trì Chú này, cần phải đến trước tháp Xá Lợi, dùng hương hoa tốt cúng dường Kim Cang. Khi Nhật Nguyệt Thực thời nên tụng Chú này, cho đến khi mặt trời, mặt trăng sanh trở lại thì mới có thể ngưng nghỉ thì Pháp ấy liền thành, tất cả điều mong cầu mau được vừa ý

Nếu muốn làm Pháp, đốt **An Tất Hương**, mọi loại hoa màu nhiệm, thức ăn uống cúng dường, trang nghiêm Đàn Pháp như bên dưới nói

Kim Cang Tùy Tâm Liệu Nhất Thiết Nan Phục Quỷ Bệnh Đại Pháp Thân Ấn thứ 48 (tụng **Đại Chú** lúc trước)

Trước tiên, 2 tay đều co 4 ngón tay từ ngón trở trở xuống, nắm quyền nhập vào trong lòng bàn tay, dựng 2 ngón cái xong, đứng dậy, nâng Thủ Ấn bên phải, cố gắng hướng lên trên đầu, dùng **thế** hướng xuống bên dưới đánh tất cả Quỷ. Đem cánh tay trái che ngay trên trái tim, đừng chạm trái tim, lại gắng duỗi thẳng bàn chân phải đứng nghiêng, đem chân phải co đầu gối, hướng thân về bên phải, hướng mặt nhìn về bên trái rồi trợn 2 con mắt

Một Pháp ấn này. Nếu làm hàng phục, trừ tất cả Đại Ma, La Sát, Quỷ Thần phi hành trong Trời với loài trụ ở 4 phương trên dưới... làm một Pháp này thì tất cả đều diệt, không thể thành biện làm việc chướng ngại. Nơi trị bệnh dùng làm Pháp này thời tiếng Chú chẳng dứt, lại khởi sắc giận dữ thì tất cả có nghiệm

Kim Cang Đại Sân Kết Giới Pháp Thân Ấn thứ 49 (**Đan** thứ 31, tụng **Đại Chú** lúc trước)

Trước tiên, hai tay đem 3 ngón tay từ ngón giữa trở xuống, hướng ra ngoài cái chéo nhau, khiến ngón tay nắm dính lưng bàn tay, dựng 2 ngón trở, co 2 ngón cái, cố gắng đừng dính vào ngón trở xong, đứng dậy nâng Ấn hướng lên trên bấp tay phải, rồi nghiêng bàn chân phải, co đầu gối phải, hướng thân về bên phải làm mặt rất giận dữ

Đại Pháp Thân Ấn này tên là **Đại Sân Pháp**. Nếu Đan kết Giới, dùng hộ nơi chôn này thì tất cả các nhóm Chúng Quỷ Thần, Thiên Ma thấy đều té xuống đất, đều sẽ chạy tan, đi ra bên ngoài cảnh giới

Kim Cang Tùy Tâm Đại Sân Pháp Thân Ấn thứ 50 (**Đan** thứ 32, tụng **Đại Chú** lúc trước)

Trước tiên, hai tay đem 3 ngón tay từ ngón giữa trở xuống, hướng ra ngoài cái chéo nhau, khiến ngón tay nắm dính lưng bàn tay. Lại hướng 2 ngón trở vào bên trong cái chéo nhau, bên phải đè bên trái, kèm 2 ngón cái d0e62u phụ trên 2 ngón trở xong. Đựng dậy nâng Ấn ngay trên bấp tay phải, nghiêng chân trái, co đầu gối phải, hướng thân về bên phải, hướng mặt về bên trái nhìn, mắt giận dữ

Đại Pháp Thân Ấn này đều hay tòi phục nhóm nạn của tất cả Ma ác, Quỷ Thần... cũng dùng trị bệnh. Nếu dùng Pháp này hàng phục thì tất cả Quỷ Thần, Thiên Ma đều tự bị cột trói, đều đứng yên tự chết, thân tan thành bụi

Ba Pháp Ấn này đều cùng đồng tụng **Đại Chú** lúc trước, dùng thông cho tất cả dụng, mọi loại việc Pháp thấy đều có nghiệm

Kim Cang Tạng Mật Hiệu Pháp Ấn Chú thứ 51 (**Đan** thứ 33)

Đề tay phải chống eo lưng, hướng 4 ngón tay về phía trước, hướng ngón cái về phía sau. Co khuỷu tay trái ngay trên bắp tay trái xong. Co ngón giữa, ngón vô danh ở trong lòng bàn tay, lồi dựng ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa hướng đầu ngón tay về bên trái, ngoái liếc nhìn ngó. Liền phát ra một **tiếng** dạng như búng lười ở ngay bên trong gò má phát ra một tiếng. Liền rộng bước đi theo bên phải nhiều quanh Đán, bên ngoài tụng **Chú Văn**

Chú là:

“Thất-lý trí, bạt chiết la báng ni, bà la đà (1) ma ha tì tri-gia la xà (2) ba-la điện đa la (3) ma ha chiến trà tỳ tri-gia la xà (4) ế hề ế hề (5) bà già bạn (6) thí già lam (7)”

*)SRĪTI VAJRA-PĀṆI VARADA MAHĀ-VIDYĀ-RĀJA PRATAN-TĀRA MAHĀ-CANḌA-VIDYĀ-RĀJA EHYEHI BHAGAVAM ŚĪGHRAM”

Pháp Ấn Tán Chú này. Nếu khi làm tất cả Đán Pháp thì nên làm Pháp này, Mật Hiệu tất cả Kim Cang. Pháp ấy mỗi lần nên 3 hồi phát ra tiếng, 3 lần rộng bước, nhiều quanh Đán tụng tán thì cảm được tất cả Kim Cang ở 10 phương, một thời đi đến trợ thành Pháp ấy, mọi loại làm đều sẽ có nghiệm

Kim Cang Tùy Tâm Đại Ác Đô Thân Ấn thứ 52 (Đán thứ 34)

Đem ngón út phải từ phía sau nhập vào khoảng giữa ngón út, ngón vô danh trái. Dựng thẳng ngón vô danh phải ngay trong lòng bàn tay ló ra ở khoảng giữa ngón giữa, ngón vô danh của tay trái, lại nắm bắt 2 ngón cái ấy kèm nhau đè bên cạnh ngón giữa

Ấn này hàng phục tất cả hết thầy các hàng Quỷ Thần của **8 Bộ** đều bị cột trói. Các Đại Ác Quỷ của 8 Bộ đều nhiếp 1600 các Kim Cang Ấn

Đô Thân Ấn thứ 53 (Đán thứ 35)

Tay phải đem ngón vô danh nhập vào lưng ngón vô danh của tay trái, ngay bên dưới ngón giữa, ngón út phải. Bày cổ tay trái. Đem ngón trỏ phải trụ ở đầu ngón út trái. Đem ngón giữa phải cùng với ngón trỏ trái móc nhau. Đem ngón út phải cùng với ngón trỏ trái móc nhau. Đưa ngón cái trái vào khoảng giữa ngón út, ngón vô danh phải. Đem ngón cái phải đè dưới lưng lóng thứ hai của ngón trỏ trái

Ấn này cột trói chung tất cả các Quỷ, lại nhiếp 600 các nhóm **Tiểu Ấn**

Thân Ấn thứ 54 (Đán thứ 36)

Đem ngón giữa phải nhập vào lưng ngón vô danh trái, ló nằm ngang bày cổ tay trái. Đem ngón trỏ phải trụ ở ngón út trái, ngón cái phải trụ ở ngón trỏ trái. Đem ngón vô danh, ngón út của tay phải hướng vào trong lòng bàn tay trái, với ló ngón cái trái ra, hướng ra bên ngoài lòng bàn tay ló ra

Ấn này nhiếp chung 800 **Tiểu Ấn**. Ấn này cũng dùng cột trói tất cả Quỷ

Lại Thịnh Triệu Tùy Tâm Ấn thứ 55 (Đán thứ 37)

Đem lòng bàn tay phải đè lưng bàn tay trái, hướng xuống dưới cài chéo nhau, đưa 5 ngón tay trái qua lại

Bông Ấn thứ 56 (Đán thứ 38)

Cài ngược 2 ngón út ở trong lòng bàn tay. Ngón vô danh, ngón út cài chéo nhau, bên phải đè bên trái. Hợp cổ tay, kèm 2 ngón cái đè trên 2 ngón trỏ

Trúc Chú Ân thứ 57 (Đan thứ 39)

Tay phải đem 4 ngón nắm quyền, để ngón cái đè bên trên. Tay trái cũng thế. Tay phải cầm cái giáo trợ, tay trái chộp bắt nơi đầu nhưc

(6 Ân từ **Đại Ác Đô Thân Ân** trở xuống cùng với **Đại Tùy**: Đại Nghiệp năm thứ 8, tháng 12, ngày 8 Tam Tạng **Đàm Ma Ngật Đa** ở **Lạc Dương**, vườn **Thượng Lâm** dịch cái khác của Ân Văn, cái đồng nhau của Ân)

Kim Cang Tạng Thọ Đàn Pháp

Nếu có Sa Môn, hoặc Bà La Môn, nhóm Thiện Nam Tử... chuyên Tâm yêu thích Công Đức Thần Chú trong **Pháp Tạng bí mật** của Ta thời có thể vào ngày 13 tháng 10, hoặc ngày 15 tháng Lạp (tháng 12): ở nơi thanh tịnh, hoặc ở đất trống, hoặc ngay trong Thất... nên tu sửa đất ấy sạch sẽ như Pháp của Phật Bồ Tát đã nói bên trên, một loại không có khác. Trang nghiêm Đạo Tràng, treo các phan, lọng, mọi loại vật báu, vật trang nghiêm, bày biện đủ mọi loại hoa hương

Ở trong Đạo Tràng làm **Pháp Đàn 5 màu** rộng 4 khuỷu tay. Bốn góc, 4 cửa của Đàn ấy đều để một lọ nước sạch mới. Chính giữa Đàn ấy làm tòa hoa sen, chính giữa Đàn ấy cũng để một lọ nước, bên lò lửa ấy cũng để một lọ nước, 5 cái lọ ấy đều chứa đầy nước sạch kèm để 5 loại lúa đầu, ở miệng lọ ấy đều dùng lá Bách, cành Lê cắm vào, lại dùng **3 xích (1m)** lụa sồng cột buộc bên trên. Nghênh thỉnh tượng Kim Cang an phía sau lọ nước ở chính giữa. Nếu không có tượng vẽ thì làm Ấn Pháp thỉnh Kim Cang an trí cũng được mà không có lỗi. Theo thứ tự an trí 49 ngọn đèn, 50 mâm chứa đầy mọi loại thức ăn. Lại dùng 3 loại **Huân Lục Hương, Trầm Thủy Hương, An Tất Hương** đâm giã hòa chung với nhau làm thành viên, lớn như quả táo nhỏ, gồm 1008 viên với thiêu đốt nhóm vật: mè, gạo tẻ, bơ, mật, sữa, lạc...

Phía Nam ở cửa Tây của Đàn ấy để lò lửa, đào đất làm cái lò ấy, 4 mặt đều rộng 1 khuỷu tay, sâu một khuỷu tay. Trong lò lửa ấy vẽ làm hoa sen. Mọi loại bày biện xong, dùng nước nóng thơm tắm gội, mặc áo sạch mới, vào trong Đạo Tràng, làm Ấn hộ Thân, kết Giới xong rồi, làm Ấn triều thỉnh Kim Cang Bồ Tát an trí ngo62i xong

Trước tiên, làm hoa hương, việc Pháp cúng dường. Tiếp theo, làm các Pháp Ấn Chú cúng dường. Tiếp theo, thiêu đốt mè, gạo tẻ, bơ, mật hòa chung với nhau cúng dường, mọi mỗi như Pháp bên trên. Sau đó, lấy viên hương lúc trước, dùng **Đại Tâm Chú**, mỗi một viên đều Chú riêng 7 biến xong, ném vào trong lửa thiêu đốt, như vậy thiêu đốt hết 1008 viên. Ngay lúc đó thời trên tượng Kim Cang hiện ra thân **Kim Cang Tạng Vương Bồ Tát** hỏi Hành Giả rằng: “*Người muốn Pháp nào?*”

Lúc đó, Hành Giả liền bùng lư hương, tùy theo ý báo đáp

Thời Kim Cang Tạng Vương mãn Nguyên ấy xong, đột nhiên chẳng hiện. Ngay lúc đó Hành Giả liền được nghiệm ấy.

Cúng dường xong rồi, theo thứ tự lấy lọ nước trong Đàn ấy đi ra bên ngoài Đạo Tràng, lên trên **Thủy Đàn** thứ tự rưới rót lên đánh đầu của người thọ Pháp ấy, đều quán đánh xong, mặc áo sạch mới, dẫn vào Đạo Tràng đánh lễ Phật xong, cùng làm Hộ Thân, mỗi mỗi như Pháp bên trên, **phát khiển** Kim Cang Tạng Vương Bồ Tát, lau quét trừ bỏ nơi chốn, đem thức ăn còn lại rải thí cho tất cả chúng sanh

Bấy giờ, Đức Phật bảo chúng Bồ Tát Ma Ha Tát của hàng Kim Cang Tạng rằng: “Nay quyền thuộc của các người, hiến các Chú, Pháp Tạng bí mật hiếm có thâm sâu vi diệu, được có việc lợi ích như vậy. Ta cũng từ xưa đến nay từng học Pháp này đều được thành tựu. Các người cũng nên giữ vững **Phạm Hạnh** thường không có chuyển lui, được **Vô Sanh Pháp Nhẫn**, quy **Phật Pháp Tăng**. Thường đi qua 6 đường mà làm

Hộ Niệm, khuyên phát Bồ Đề, không từ lao nhọc. Do sức Thệ Nguyện của các người, cho nên chúng ta tán thành, tất cả vui vẻ”

Thời các Đại Chúng nghe Đức Phật ẩn khả, đều rất vui vẻ, làm lễ rồi lui ra.

PHẬT KINH NÓI ĐÀ LA NI TẬP
QUYỂN THỨ BẢY (Hết)